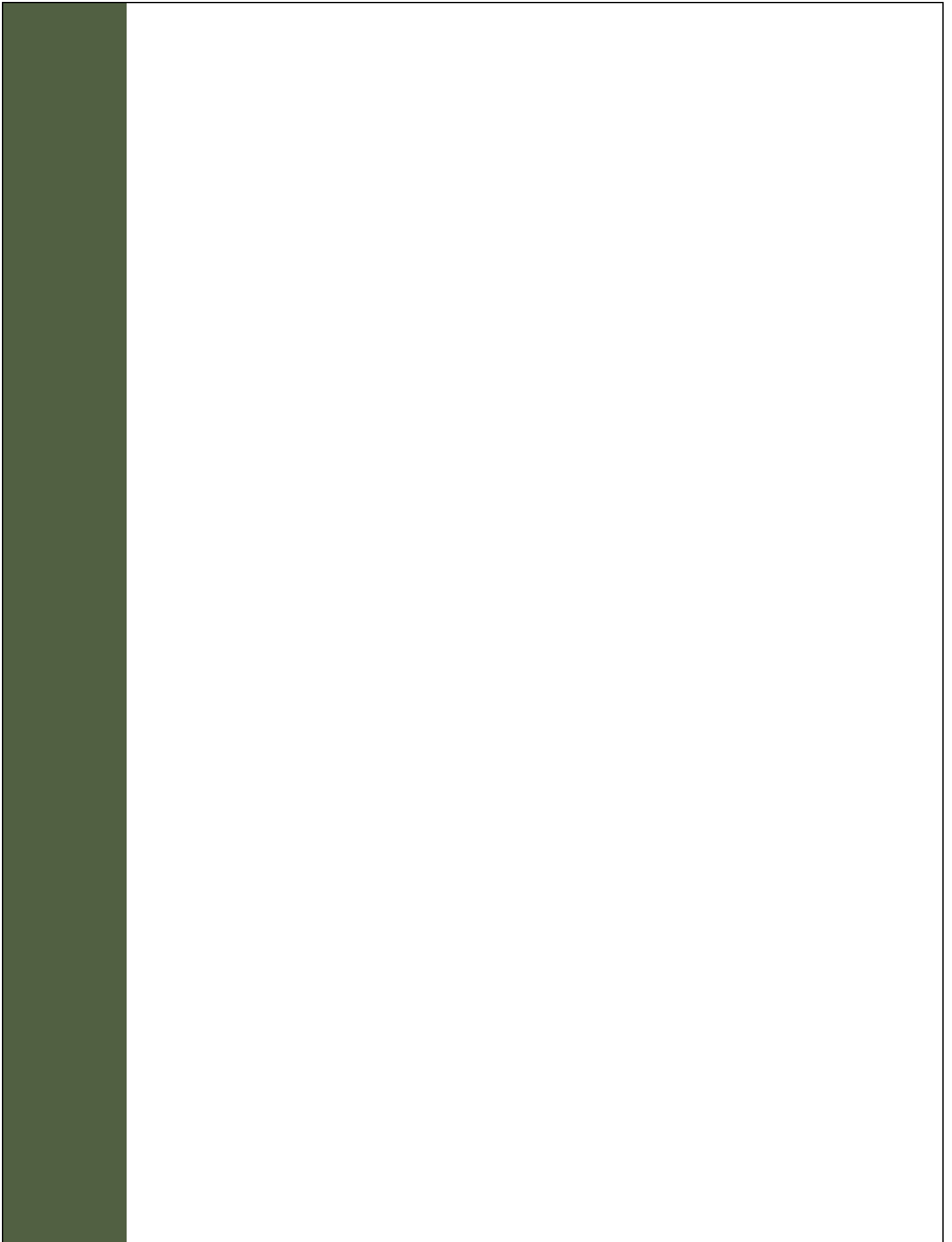




Qui phạm thực hành quản lý tốt hơn trong nuôi cá Tra/Basa

Một công cụ hỗ trợ việc tuân thủ các tiêu chuẩn cá Tra/Basa của Hội đồng Quản lý Nuôi trồng Thủy sản (ASC)



GIỚI THIỆU

Mục tiêu của tài liệu này là cung cấp các qui phạm quản lý tốt hơn (BMP) cho người nuôi cá Tra/basa nhằm hỗ trợ những nỗ lực tuân thủ bộ tiêu chuẩn của Đối thoại nuôi cá Tra/Basa (PAD). Tài liệu này bao gồm các qui phạm thực hành quản lý tốt hơn đã được đề cập trong PAD. Áp dụng các qui phạm thực hành quản lý tốt hơn trong tài liệu này không có nghĩa là đã tuân thủ các qui định của PAD, thay vì đó tài liệu này sẽ trợ giúp người sản xuất cá tra/basa xác định được các phương pháp mà họ có thể sử dụng để đạt được các tiêu chuẩn PAD. Tài liệu BMP được sử dụng kết hợp với tài liệu các tiêu chuẩn của PAD và Tài liệu hướng dẫn đánh giá của PAD.

Bộ tiêu chuẩn của PAD mang tính toàn cầu, là công cụ hỗ trợ nhằm giảm thiểu tối đa những tác động xấu đến môi trường và xã hội liên quan đến nuôi cá Tra/basa. Các tiêu chuẩn này được dựa trên cơ sở thực hành, trừ một số trường hợp ngoại lệ, là có thể đo được. Bộ tiêu chuẩn sẽ được sửa đổi định kỳ nhằm phản ánh sự thay đổi về khoa học và công nghệ, cũng như khuyến khích sự đổi mới và liên tục cải tiến.

Bộ tiêu chuẩn này là sản phẩm của PAD, gồm một nhóm trên 600 người đã cam kết thay đổi ngành công nghiệp nuôi cá Tra/basa. PAD bao gồm một ban chỉ đạo và đại diện cho các bên liên quan ở khắp thế giới, trong đó có các đại diện của ngành công nghiệp nuôi cá Tra/basa, người làm khoa học, môi trường, xã hội, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ. Từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 8 năm 2010, họ đã làm việc cùng nhau nhằm xác định các tác động mà bộ tiêu chuẩn cần phải giải quyết, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, các chỉ thị và các tiêu chuẩn nhằm giảm thiểu các tác động đó. Quỹ Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) đã điều phối quá trình này.

Đây là bộ tiêu chuẩn mang tính toàn cầu đầu tiên cho nuôi cá Tra/basa được xây dựng dựa trên nguyên tắc mở, minh bạch và có sự tham gia của nhiều bên liên quan, điều này là phù hợp với quy trình xây dựng bộ tiêu chuẩn của tài liệu Hướng dẫn dán nhãn và cấp chứng nhận quốc tế về môi trường và xã hội của ISEAL Alliance. Quá trình xây dựng là minh bạch, khuyến khích sự đóng góp ý kiến của nhiều cá nhân tổ chức liên quan và đảm bảo chắc chắn các ý kiến của họ sẽ được cân nhắc.

Bộ tiêu chuẩn cuối cùng sẽ được trao cho một tổ chức cấp chứng nhận độc lập, có nhiệm vụ cấp chứng nhận cho các trại nuôi áp dụng đúng theo các bộ các tiêu chuẩn đã được xây dựng bởi PAD và tổ chức Đối thoại về nuôi thủy sản được thành lập để xây dựng các tiêu chuẩn toàn cầu. Tổ chức độc lập này là Hội đồng Quản lý Nuôi trồng Thủy sản (ASC), được kỳ vọng là sẽ đi vào hoạt động từ giữa năm 2011.

Tài liệu này được xây dựng bởi sự điều phối của PAD và được xuất bản bởi WWF.

NGUYÊN TẮC 1. VỊ TRÍ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRẠI NUÔI PHÙ HỢP VỚI KHUNG PHÁP LÝ CỦA QUỐC GIA VÀ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Tiêu chí 1.1: Các qui tắc của quốc gia và địa phương

Các tiêu chuẩn có thể áp dụng (1.1.1 – 1.1.4)

Cơ sở lý luận: Các qui định của quốc gia và của địa phương sẽ cùng được áp dụng, do các qui định của địa phương đôi khi có sự khác biệt về mức độ chi tiết so với các qui định của quốc gia. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa qui định của địa phương và của quốc gia thì sẽ ưu tiên thực hiện theo luật quốc gia. Do rất khó để có thể kiểm tra sự tuân thủ tất cả các luật trong một quốc gia, các bên tham gia trong PAD đã quyết định các tiêu chuẩn tập trung để đạt được bốn chỉ thị trong tiêu chí này.

Quy phạm quản lý tốt hơn

1. Liên hệ với các cơ quan quản lý địa phương trong phạm vi pháp luật trang trại để thu thập các thông tin về những yêu cầu cần thiết trong bối cảnh địa phương và quốc gia.
2. Tuân thủ hướng dẫn của các cơ quan quản lý về thuê đất, hành nghề hoặc giấy phép yêu cầu cần phải có để xây dựng và hoạt động nuôi cá Tra/basa ở vị trí này.
3. Thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý địa phương và quốc gia về việc cho thuê đất, chuyển nhượng hoặc giấy phép cần thiết để minh chứng tính hợp pháp của hoạt động nuôi cá Tra/basa ở trại nuôi của bạn. Nếu có những qui định về giới hạn năng suất cho phép nuôi trong khu vực nhất định, cần khẳng định rằng bạn đã tuân theo những qui định đó. Các nhà sản xuất nên có sẵn bản sao giấy phép hợp lệ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các loại giấy phép, chuyển nhượng, vv.
4. Giấy chứng nhận xác nhận nộp thuế thường được cung cấp bởi các nhà chức trách quốc gia và địa phương nơi thu các khoản phí này. Các nhà sản xuất cần xác định các cơ quan chức năng và được xác nhận bằng văn bản của chính phủ rằng các loại thuế thích hợp đã được thanh toán
5. Nếu bạn có một ao, yêu cầu chính quyền địa phương có thẩm quyền về chất lượng nước nếu họ có thể kiểm tra các thông số chất lượng nước để chứng minh việc tuân thủ các quy định hiện hành về nước thải. Nếu có thể thì người nuôi cá yêu cầu cơ quan chức năng kiểm tra nước thải từ trại nuôi và cấp cho bạn một văn bản chứng minh bạn đã chấp hành đúng quy định về nước thải. Nếu họ không thể cung cấp, liên hệ chính quyền địa phương về phòng kiểm nghiệm đã được công nhận tiêu chuẩn ISO17025 gần nông trại của bạn, liên hệ với họ thu, phân tích mẫu nước thải từ trại nuôi của bạn và yêu cầu họ cấp giấy chứng nhận đã thu thập mẫu phân tích chất lượng nước thải và kết quả thử nghiệm.
6. Các nhà sản xuất phải liên hệ với chính quyền quốc gia khi chưa rõ hoặc gặp các vấn đề trong việc tìm hiểu các luật này.

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

NGUYÊN TẮC 2: VỊ TRÍ CỦA TRẠI NUÔI, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ ĐỂ TRÁNH (HOẶC ÍT NHẤT LÀ HẠN CHẾ TỐI ĐA) NHỮNG TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN NGƯỜI KHÁC VÀ MÔI TRƯỜNG

Tiêu chí 2.1: Tuân thủ theo qui hoạch phát triển

Các tiêu chuẩn thực hiện (2.1.1)

Cơ sở lý luận: Mặc dù một số nước không có quy hoạch phát triển thủy sản xác định các vùng nuôi, tuy nhiên khi có quy hoạch thì mỗi trại nuôi phải có chứng nhận nằm trong khu vực đã được qui hoạch. Ở những nơi không có qui hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản chính thức, việc đánh giá theo PAD sẽ là công cụ trung gian thích hợp.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Sử dụng hệ thống định vị vệ tinh (GPS) xác định vị trí trung tâm của trại nuôi. Tối thiểu phải xác định được tọa độ GPS của 4 điểm, tương ứng với các góc của trang trại.
2. Liên hệ với chính quyền địa phương và quốc gia để tìm hiểu về quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản áp dụng cho trại nuôi của bạn.
3. Xác định vị trí trại nuôi của bạn trong bản đồ quy hoạch để khẳng định trại nuôi của bạn nằm trong khu vực đã được qui hoạch cho nuôi thủy sản.
4. Nếu không có bản qui hoạch phát triển thủy sản nào áp dụng cho khu vực trang trại của bạn thì bạn phải thường xuyên kiểm tra ở chính quyền địa phương và quốc gia xem đã có bản qui hoạch đã được xây dựng hay chưa.

Tiêu chí 2.2: Chuyển đổi các hệ sinh thái tự nhiên

Các tiêu chuẩn áp dụng (2.2.1 – 2.2.4)

Cơ sở lý luận: Do việc nuôi cá Tra/basa được thực hiện trong một khu vực sản xuất tập trung và trại nuôi được xây dựng bằng cách chuyển đổi đất trồng lúa thành ao nuôi cá, giấy chứng nhận PAD chỉ được cấp cho trang trại được xây dựng trên cơ sở đất nông nghiệp đã được giao trong 10 năm qua mà không phải là đất chuyển đổi từ các hệ sinh thái tự nhiên (ví dụ như rừng ngập mặn và đất ngập nước). Xây dựng mới hoặc mở rộng diện tích trại nuôi hiện có không phải là kết quả của việc chuyển đổi đất ngập nước hoặc bất kỳ hệ sinh thái nào khác ngoài đất sử dụng cho nông nghiệp hoặc đất cho nuôi thủy sản.

Các trại nuôi đã xây dựng trước khi các tiêu chuẩn của PAD có hiệu lực có thể gây ra những tác động tiêu cực lên môi trường và xã hội. Ngoài ra, các trang trại nuôi cá Tra/basa phải sử dụng đất và nước, điều đó có thể có ảnh hưởng nhất định đến môi trường và những người khác. Vì những lý do này, PAD đã quyết định thành lập một quỹ phục hồi để hỗ trợ cho những hoạt động với mục đích bồi thường cho những tác động này. Tại thời điểm đang xây dựng bộ tiêu chuẩn này thì quỹ phục hồi này chưa đi vào hoạt động. Tuy vậy, hy vọng rằng Hội đồng Quản lý Nuôi trồng Thủy sản (ASC) sẽ xác định được quỹ này.

Bùn đất thải trong quá trình đào đắp và xây dựng trại nuôi đã được báo cáo bởi một số cộng đồng địa phương là có tác động đến sinh kế của họ do làm suy giảm chất lượng nước. Thải bùn đất khi đào ao vào các thủy vực cũng ảnh hưởng đến hệ sinh thái thủy sinh. Do vậy, cần tránh các hành động này.

Ngày càng tăng số lượng các loài trên toàn thế giới có nguy cơ tuyệt chủng do các hoạt động của con người. Nuôi cá Tra/basa phải được thực hiện theo cách mà không gây áp lực hơn nữa trên các loài đó.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Nếu có ao nào đó trong trang trại của bạn được xây dựng kể từ sau tháng 8 năm 2010, liên hệ với chính quyền địa phương để xin giấy xác nhận rằng đất trang trại của bạn đã là đất nông nghiệp hoặc đất thủy sản từ 10 năm trước trở lên. Bằng cách khác, bạn có thể sử dụng bản đồ sử dụng đất, hoặc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để minh chứng rằng đất trang trại đã là đất nông nghiệp hoặc đất thủy sản từ ít nhất từ 10 năm trước.
2. Viết và ký tên vào văn bản cam kết đóng góp 0.5 đô la Mỹ cho mỗi tấn sản phẩm bạn muốn được cấp chứng chỉ và quỹ phục hồi Môi trường và Xã hội. Khoản tiền này phải được chi trả cho tất cả các vụ sản xuất kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận. Trong khi quỹ này chưa đi vào hoạt động, bạn không phải trả tiền ngay, nhưng bạn sẽ phải thanh toán tổng số tiền (cho mỗi tấn sản phẩm bạn sản xuất được ASC cấp chứng nhận) sau này.
3. Nếu từ sau tháng 8 năm 2010 bạn vận chuyển đất xây dựng trang trại hoặc mở rộng trang trại, cần khẳng định rằng bạn không thải nguồn đất này ra các thủy vực xung quanh và ghi chép địa điểm mà bạn đổ đất.

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

4. Ở nhiều khu vực nuôi cá Tra/basa, có những hệ động vật hiếm và duy nhất tồn tại. Nhiều loài động vật quý hiếm nhất nằm trong danh mục nguy cấp hoặc bị đe dọa. Liên minh Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (IUCN) quản lý một cơ sở dữ liệu các loài này, được gọi là Danh sách đỏ. Theo các tiêu chuẩn này, không có sự khoan dung đối với việc giết chết hoặc có bất kỳ tác động tiêu cực đến bất kỳ loài nào nằm trong Danh sách đỏ của IUCN hoặc danh sách các loài được chính quyền quốc gia và địa phương bảo vệ. Nông dân nuôi cá cần đặc biệt lưu ý đến hệ động vật bản địa và Sách đỏ của IUCN để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, tránh những tác động tiêu cực đến các loài nếu chúng di cư qua hoặc sinh sống ở khu vực xung quanh trại nuôi. Các giải pháp phòng ngừa bao gồm tăng số lượng các thiết bị ngăn chặn xung quanh khu vực trại nuôi, hạn chế sự tác động quanh khu vực bơm nước hoặc làm xáo trộn các khu vực tự nhiên và gia tăng hoạt động của con người. Hướng dẫn sử dụng Danh sách đỏ của IUCN được mô tả dưới đây:

Hướng dẫn:

- a. Truy cập vào trang <http://www.iucnredlist.org/>
- b. Vào mục "other search options"
- c. Chọn "Taxonomy"
- d. Chọn "Animalia"
- e. Nhập "Location", "Systems", "Habitat",
- f. Nhấp chuột vào "run search" và ghi chép danh mục các loài và kiểm tra xem chúng có bị tác động do hoạt động nuôi cá không?

Bảo vệ sự va chạm với các loài nằm trong Danh sách đỏ của IUCN, thuộc các nhóm sắp nguy cấp, nguy cấp, cực kỳ nguy cấp, tuyệt chủng trong tự nhiên hay tuyệt chủng trong khu vực (bao gồm nước tiếp nhận và nguồn nước) của trại nuôi.

5. Để xác định có các loài cần được bảo vệ xuất hiện trong khu vực trại nuôi của bạn, bạn sẽ nộp các tài liệu đã công bố trong các tạp chí khoa học (để làm được việc này bạn có thể phải nhờ đến sự hỗ trợ của một trường đại học gần với bạn) hoặc các tòa báo và tạp chí ở địa phương. Lưu giữ tất cả những tài liệu đó để chỉ ra các thông tin bạn tìm kiếm được.
6. Lưu giữ các ghi chép về cách thức bạn sử dụng để tránh không tác động xấu đến những loài nguy cấp ở trại nuôi của bạn.
7. Bạn cũng cần phải liên hệ với các cộng đồng địa phương để tìm kiếm các thông tin về sự không làm ảnh hưởng đến các loài nguy cấp gây ra bởi trại nuôi và công nhân của bạn. Liên hệ với chính quyền xã và yêu cầu họ xác nhận những thông tin đó nếu đúng.

Tiêu chí 2.3: Sự kết nối

Các tiêu chuẩn áp dụng (2.3.1 – 2.3.4)

Cơ sở lý luận: Các chỉ thị 2.3.1–2.3.3 với mục đích đảm bảo rằng hoạt động nuôi cá Tra/basa vẫn đảm bảo sự lưu thông tàu bè và di chuyển của các loài động vật thủy sinh (theo chiều dọc và ngang), trong một “khoảng cách phù hợp” theo qui định của PAD. Khoảng cách phù hợp có nghĩa là khoảng trống có được, trong đó trại nuôi của bạn không làm cản trở hoặc làm biến đổi dòng chảy cho việc di chuyển. Khoảng cách phù hợp cũng áp dụng cho các hoạt động của trại nuôi (ví dụ như các hoạt động sửa chữa). Những hoạt động này không được làm cản trở sự lưu thông của thuyền bè và di chuyển của động vật thủy sinh.

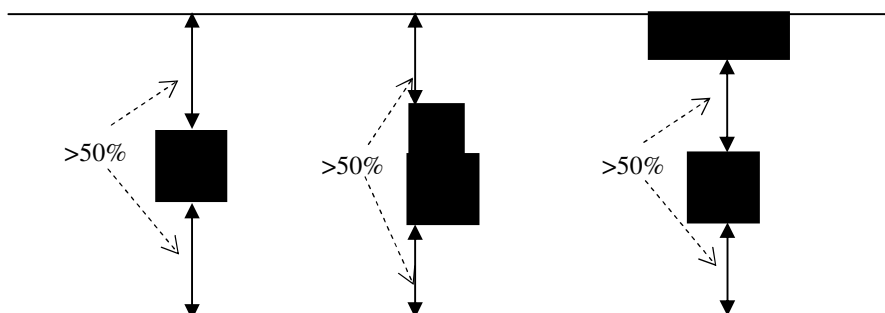
PAD nhận thức rằng các thủy vực dùng cho nuôi cá Tra/basa có ý nghĩa kinh tế quan trọng cho các hoạt động công nghiệp khác sử dụng cho mục đích vận tải. Mục đích của các tiêu chuẩn 2.3 là giảm thiểu các xung đột về sử dụng. Tiêu chuẩn 2.3.4 là phương tiện cho phép các loài sinh vật sống ở ven bờ có đủ khoảng trống phù hợp, mặc dù các lưới chắn nhân cản chúng xâm nhập vào bờ nơi chúng định cư.

Quy phạm quản lý tốt hơn

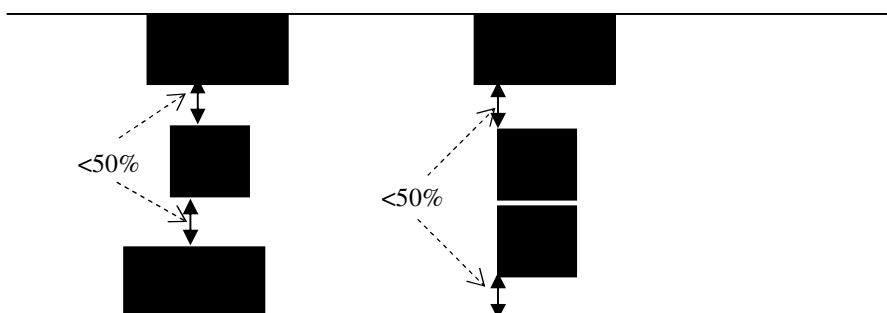
1. Hãy chắc chắn rằng trại nuôi của bạn không chặn hoàn toàn sự di chuyển của tàu thuyền, động vật thủy sản, nước trong thủy vực hoặc kênh rạch. Nếu bạn làm thế, loại bỏ những vật cản để cho phép dòng chảy.
2. Liên hệ với chính quyền địa phương để xin giấy xác nhận rằng trại nuôi của bạn không ảnh hưởng đến giao thông.
3. Nếu bạn có nuôi đăng quăng hoặc nuôi lồng phải vẽ sơ đồ trại nuôi và vị trí trại nuôi, lồng nuôi cá liên quan đến bờ sông, kênh rạch. Đo kích thước của đăng quăng và lồng nuôi và xác định khoảng cách đến bờ sông, kênh rạch. Chắc chắn rằng trại nuôi của bạn phù hợp với sơ đồ ở trang tiếp theo.
4. Trong bất kỳ trường hợp nào, bạn không được bố trí 3 đăng quăng liền nhau.

Sơ đồ 1. Tiêu chuẩn lồng nuôi. Khoảng cách tối thiểu giữa các lồng nuôi với bờ sông, kênh rạch:

Ví dụ về bố trí lồng nuôi phù hợp (các ô màu đen là các lồng nuôi cá)



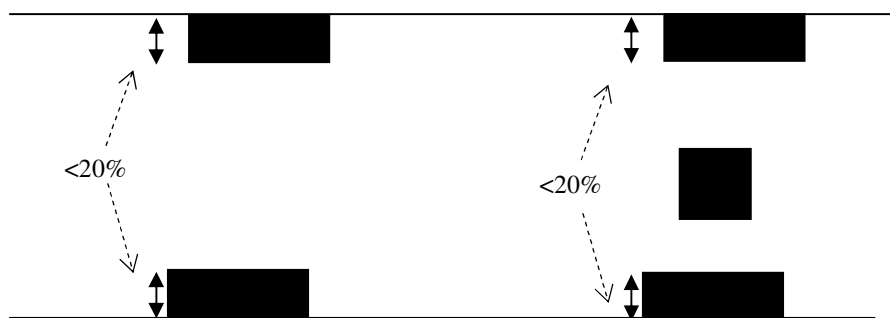
Ví dụ về bố trí lồng nuôi không phù hợp (các ô màu đen là các lồng nuôi cá)



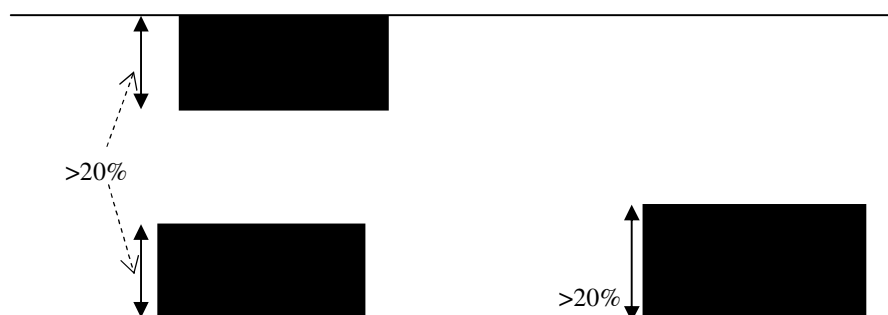
This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

Sơ đồ 2. Tiêu chuẩn của đăng quang. Chiều rộng tối đa của trại nuôi được tính toán khi mức nước/chiều rộng là tối thiểu.

Ví dụ về bố trí đăng quang phù hợp (các ô màu đen là các đăng quang nuôi cá)



Ví dụ về bố trí đăng quang không phù hợp (các ô màu đen là các đăng quang nuôi cá)



This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

Sơ đồ 3. Tiêu chuẩn đăng quảng. Số lượng và khoảng cách cho phép giữa các lồng:

Ví dụ về bố trí đăng quảng phù hợp (các ô màu đen là các đăng quảng nuôi cá)



Hoặc



Ví dụ về bố trí đăng quảng không phù hợp (các ô màu đen là các đăng quảng nuôi cá)



hoặc



Tiêu chí 2.4: Sử dụng nước

Các tiêu chuẩn áp dụng (2.4.1 – 2.4.2)

Cơ sở lý luận: Sử dụng nước là vấn đề toàn cầu, sử dụng nước hợp lý là một phần quan trọng của sản xuất bền vững. Nuôi cá tra/basa có thể yêu cầu lượng nước sử dụng nhiều hơn đối với nuôi động vật trên cạn. PAD đã đưa tiêu chuẩn sử dụng nước hiệu quả nhằm khuyến khích sử dụng nước có trách nhiệm. Sử dụng 5,000 m³ nước cho sản xuất mỗi tấn cá là tiêu chuẩn được xây dựng bởi các bên liên quan tới PAD. Đây là tiêu chuẩn ban đầu và sẽ được điều chỉnh trong những phiên bản tiêu chuẩn trong tương lai.

Nếu giới hạn lượng nước cho phép sử dụng khác với 5,000 m³/tấn cá thì người dân phải áp dụng cả 2 tiêu chuẩn.

Quy phạm quản lý tốt hơn

1. Trong quá trình nuôi bạn phải đo và ghi chép lượng nước lấy vào ao. Để đo được lượng nước lấy vào ao, bạn lấy diện tích ao (m²) nhân với độ sâu mức nước (m) bạn lấy vào ao. Ví dụ: nếu diện tích ao là 5000 m² và bạn lấy 10 cm nước vào ao (tương đương với 0,1 m) thì bạn đã lấy vào ao là 500 m³ nước.
2. Giữ lại hóa đơn để chứng minh sản lượng cá bạn đã thu hoạch từ mỗi ao.
3. Tổng lượng nước bạn lấy vào ao nuôi cá tra/basa không được vượt quá 5000 m³ cho mỗi tấn sản phẩm. Điều này có nghĩa là nếu sản xuất 100 tấn cá tra/basa trong ao, lượng nước tối đa bạn được lấy vào là 500.000 m³.
4. Liên hệ với chính quyền địa phương để hỏi xem có quy định nào giới hạn lượng nước bạn được phép lấy vào ao không. Yêu cầu chính quyền địa phương cấp cho bạn văn bản cho phép lượng nước tối đa nếu có. Khẳng định rằng bạn không bao giờ sử dụng quá lượng nước quy định đó.
5. Nếu chính quyền địa phương không có quy định, tìm kiếm một tổ chức có thể xác định lượng nước tối đa bạn có thể sử dụng cho trại nuôi cá tra/basa. Tổ chức này phải có kinh nghiệm về xác định các giới hạn đó. Tổ chức này có thể là một cơ quan nhà nước, một trường đại học, một công ty tư nhân hoặc các cơ quan có kinh nghiệm khác. Khẳng định rằng bạn không bao giờ vượt quá giới hạn lượng nước họ đề nghị.

NGUYÊN TẮC 3: HẠN CHẾ TỐI ĐA TÁC ĐỘNG CỦA NUÔI CÁ TRA/BASA TỚI NGUỒN LỢI NƯỚC VÀ ĐẤT

Tiêu chí 3.1: Sử dụng dinh dưỡng hiệu quả

Các tiêu chuẩn áp dụng (3.1.1 –3.1.4)

Cơ sở lý luận: Sử dụng hiệu quả dinh dưỡng trong nuôi cá Tra/basa là chìa khóa của sản xuất tốt hơn trong bất kỳ hệ thống nuôi nào, sử dụng hiệu quả dinh dưỡng sẽ làm giảm tác động đến môi trường nước xung quanh. Một số yếu tố được sử dụng để đánh giá tác động của chất thải từ trại nuôi cá đến môi trường nước (ví dụ: Phốt pho, các hợp chất chứa ni tơ, nhu cầu ô xy sinh hóa - BOD, nhu cầu ô xy hóa học - COD, hàm lượng chất rắn lơ lửng). Tuy nhiên, các thành viên của PAD đã thống nhất chỉ sử dụng các yếu tố quan trọng bao gồm: Ni tơ và Phốt pho. Các hợp chất chứa Ni tơ và Phốt pho là những chất dinh dưỡng quan trọng gây nên hiện tượng phú dưỡng, cả hai chất này được thải ra từ hệ thống nuôi qua nguồn cung từ thức ăn và phân bón.

Nồng độ và lượng phốt pho và Ni tơ được qui định dựa trên dữ liệu cung cấp bởi người nuôi, họ tham gia trực tiếp và gián tiếp đến quá trình xây dựng tiêu chuẩn của PAD. PAD đã đồng ý sử dụng số trung vị của dữ liệu sẵn có thay cho việc sử dụng giá trị trung bình. Cần lưu ý rằng giá trị được xác định trong tiêu chuẩn này mới chỉ là điểm khởi đầu và sẽ được hiệu chỉnh khi có đủ dữ liệu liên quan.

Các giá trị về hiệu quả Ni tơ tổng số và Phốt pho tổng số trong nuôi cá lồng bè và nuôi đăng quảng được cung cấp bởi những chuyên gia.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Lưu trữ nhật ký về loại thức ăn bạn sử dụng (bao gồm cả số lô) và số lượng thức ăn bạn đã cho cá ăn ở mỗi ao.
2. Nếu bạn sử dụng thức ăn (viên) thương mại, cần thu thập thông tin về hàm lượng Phốt pho tổng số trong mỗi loại thức ăn bạn sử dụng. Giá trị về Ni tơ tổng số được tính toán bằng các lấy hàm lượng protein thô chia cho 6,25. Ví dụ nếu bạn cho cá ăn bằng thức ăn có chứa hàm lượng protein thô là 30%, bạn lấy $30/6,25 = 4,8$, có nghĩa là hàm lượng Ni tơ tổng số trong thức ăn là 4,8%. Nghĩa là bạn đã cung cấp 48 g Ni tơ cho mỗi kg bạn sử dụng.
3. Nếu bạn sử dụng thức ăn tự chế, lấy mẫu từng loại thức ăn bạn sử dụng, gửi đến phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng Phốt pho và Ni tơ. Yêu cầu các phòng thí nghiệm cung cấp thông tin nếu họ đã được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 1725. Nếu họ đã được công nhận đạt tiêu chuẩn trên, đề nghị họ cung cấp bản copy về giấy chứng nhận đó.
4. Lưu giữ các hóa đơn minh chứng lượng cá mà bạn đã thu hoạch từ mỗi ao, lồng hay đăng quảng.

Đối với nuôi lồng bè và đăng quảng

5. Cần phải đảm bảo rằng hàm lượng Phốt pho tổng số trong thức ăn không vượt quá 20 kg cho mỗi tấn cá bạn sản xuất.
6. Cần đảm bảo rằng hàm lượng Ni tơ trong thức ăn không được vượt quá 70 kg cho mỗi tấn cá bạn sản xuất.

Đối với nuôi trong ao

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

7. Trong suốt chu kỳ nuôi, cần phải có sổ ghi chép lượng nước bạn đã thải ra môi trường (m) mà trại nuôi đã thải ra.
8. Liên hệ với các phòng thí nghiệm đã được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025 để xác định làm lượng Ni tơ và Phốt pho tổng số trong nước ao. Yêu cầu họ đến trại nuôi của bạn để thu những mẫu sau đây:
 - a. Mẫu nước ao
 - i. Trong 1 ao đã ở nửa sau của chu kỳ nuôi
 - ii. Ít nhất là 6 giờ sau khi bạn thay nước
 - iii. Trong 1 ao bất kỳ nào
 - iv. Tại độ sâu 50% độ sâu nước ao
 - b. Nguồn nước cấp
 - i. Tại thời điểm bạn lấy nước vào ao
9. Đề nghị nhân viên phòng thí nghiệm phân tích cả hàm lượng Ni tơ tổng số và Phốt pho tổng số trong các mẫu nước đó bằng phương pháp được công nhận trong tiêu chuẩn này (xem phụ lục D trong tiêu chuẩn này).
10. Sau khi bạn có kết quả phân tích, áp dụng phương công thức sau đây để tính toán hàm lượng P và N đã thải ra ngoài môi trường.

Ni tơ tổng số thải ra (g/kg cá) =

$$\frac{[\text{Hàm lượng Ni tơ tổng số (mg/l) trong nước ao} - \text{Hàm lượng Ni tơ tổng số (mg/l) trong nước cấp (mg/l)}] \times \text{Lượng nước thải (m}^3\text{)}}{\text{Sản lượng cá (kg)}}$$

Sản lượng cá (kg)

Phốt pho tổng số thải ra (g/kg cá) =

$$\frac{[\text{Hàm lượng P tổng số (mg/l) trong nước ao} - \text{Hàm lượng P tổng số (mg/l) trong nước cấp}] \times \text{Lượng nước thải (m}^3\text{)}}{\text{Sản lượng cá (kg)}}$$

Sản lượng cá (kg)

11. Cần phải chắc chắn rằng lượng Ni tơ tổng số thải ra khi sản xuất 1 tấn cá không vượt quá 27,5 kg Ni tơ/tấn. Nếu vượt quá thì bạn không đạt được các chỉ tiêu của tiêu chuẩn này.
12. Cần phải chắc chắn rằng hàm lượng Phốt pho tổng số thải ra khi sản xuất 1 tấn cá không vượt quá 7,2 kg/tấn. Nếu vượt quá thì bạn không đạt được các chỉ tiêu của tiêu chuẩn này.
13. Nếu bạn không đạt được các tiêu chuẩn, bạn cần suy nghĩ để áp dụng một số giải pháp sau đây:
 - a. Sử dụng thức ăn có lượng TP và TN thấp hơn trong khi hệ số sử dụng thức ăn FCR là như nhau.
 - b. Sử dụng thức ăn có hệ số sử dụng thức ăn thấp hơn
 - c. Nâng cao tỷ lệ sống của cá Tra/basa, chẳng hạn thông qua quản lý sức khỏe tốt hơn.

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

Tiêu chí 3.2. Đo chất lượng nước ở các thủy vực tiếp nhận nước thải

Các tiêu chuẩn áp dụng (3.2.1)

Cơ sở lý luận: Biên động ngày đêm là một yếu tố mà PAD sử dụng để đánh giá tác động của nước thải trại nuôi đến chất lượng nước ở các thủy vực tiếp nhận. Biên động hàm lượng ô xy hòa tan trong một thủy vực chịu ảnh hưởng bởi tỷ lệ quang hợp và hô hấp của thủy vực. Mức biến động của của một thủy vực có thể được theo dõi bằng cách so sánh sự biến động hàm lượng ô xy hòa tan lúc sáng sớm và hàm lượng ô xy hòa tan lúc buổi chiều muộn. Thông thường hàm lượng ô xy hòa tan thấp vào lúc sáng sớm do hoạt động hô hấp của động vật và thực vật sống trong nước. Ngược lại, hàm lượng ô xy hòa tan trong nước thường cao vào buổi chiều do hoạt động quang hợp sản sinh ra ô xy khi có ánh sáng mặt trời. Tỷ lệ thay đổi hàm lượng ô xy hòa tan là một chỉ thị đánh giá tình trạng khỏe mạnh của một thủy vực. Với mục tiêu giảm thiểu ảnh hưởng của các hoạt động nuôi trồng thủy sản đến sự phú dưỡng và duy trì tốt chất lượng của các thủy vực tự nhiên, PAD đã quy định mức độ biến động ngày đêm. Hàm lượng ô xy hòa tan phải được đo hai lần trong ngày, 1 mẫu được thu 1 giờ (± 30 phút) trước khi mặt trời mọc và mẫu thứ 2 lúc 2h (± 30 phút) trước khi mặt trời lặn nhằm xác định hàm lượng ô xy hòa tan thấp nhất và cao nhất.

Miễn giảm tiêu chuẩn này được áp dụng với những trại nuôi có nguồn nước “sạch hơn” (ví dụ, khi hàm lượng Ni tơ và Phốt pho tổng số thấp hơn so với nguồn nước cấp), minh chứng rằng trại nuôi về tổng thể có tác dụng làm sạch nước. Điều này áp dụng trong cả trường hợp chất lượng của nguồn nước cấp là phú dưỡng. Mặc dù vậy, trên thực tế hiện tượng này là ít xảy ra tại thời điểm các tiêu chuẩn này được soạn thảo, song trường hợp ngoại lệ này đã được đưa vào bộ tiêu chuẩn.

Quy phạm quản lý tốt hơn

1. Cứ mỗi hai tuần và trong bất kỳ thời gian nào bạn muốn có chứng nhận, sử dụng máy đo cầm tay để đo hàm lượng ô xy hòa tan, nhiệt độ và độ muối trong thủy vực nơi tiếp nhận nguồn nước thải từ trại nuôi của bạn. Cần đảm bảo chắc chắn rằng vị trí của các điểm đo càng gần với nơi bạn thải nước ao nuôi cá càng tốt, nhưng cũng phải chắc chắn là không xa hơn vị trí bạn thải nước 200 m.
2. Các phép đo này được thực hiện ở độ sâu 0,3m tính từ mặt nước.
3. Vào ngày bạn đo DO, đo hai lần trong 1 ngày nhằm xác định hàm lượng ô xy hòa tan lúc thấp nhất và cao nhất.
 - a. 1 giờ (± 30 phút) trước khi mặt trời mọc
 - b. 2h (± 30 phút) trước khi mặt trời lặn
4. Đo hàm lượng DO bằng mg/L và (%) ô xy bão hòa. Nếu máy đo của bạn không thể xác định DO (%) ô xy bão hòa, hỏi các kỹ thuật viên đề nghị họ tính toán giúp DO (%) ô xy bão hòa tại nhiệt độ, độ mặn và kinh độ sử dụng các bảng tra.
5. Đảm bảo rằng thiết bị đo được hiệu chỉnh thường xuyên theo phương pháp do nhà sản xuất hướng dẫn.
6. Tính toán sự biến động DO sử dụng công thức sau đây: Phần trăm thay đổi hàm lượng DO trong ngày trong thủy vực tiếp nhận nước thải liên quan tính theo hàm lượng ô xy bão hòa được tính như sau:

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

$$= \left[\frac{\text{Hàm lượng DO cao nhất (mg/l)}}{\text{Hàm lượng DO bão hòa cao nhất (mg/l)}} \times 100 \right] - \left[\frac{\text{Hàm lượng ô xy thấp nhất (mg/l)}}{\text{Hàm lượng DO bão hòa tại thấp nhất (mg/l)}} \times 100 \right]$$

7. Nếu kết quả tính toán của bạn thấp hơn 65% thì bạn không đạt được yêu cầu của bộ tiêu chuẩn này. Để đạt được các tiêu chuẩn, bạn cần nhắc thảo luận với các trang trại khác về việc xả nước thải ra các thủy vực quanh trại nuôi theo cách làm giảm các chất thải trong nước thải (ví dụ các hợp chất chứa Ni tơ và Phốt pho).

Tiêu chí 3.3: Đo đạc chất lượng của chất thải

Các tiêu chuẩn áp dụng (3.3.1 – 3.3.3)

Cơ sở lý luận: PAD đã xác định rằng việc theo dõi lượng chất dinh dưỡng được phát thải vào nước từ một hệ thống ao nuôi là không đủ để xác định hoặc kiểm soát lượng chất dinh dưỡng được phát thải vào môi trường tự nhiên. Do đó, giám sát chất lượng nước đang được phát thải từ hệ thống ao nuôi cũng được đưa vào bộ tiêu chuẩn.

PAD xác định các chỉ tiêu chất lượng nước quan trọng cần phải được theo dõi trong tiêu chuẩn này. Phần trăm thay đổi, không phải giá trị tuyệt đối, sẽ được thiết lập trong tiêu chuẩn, vì đó không xem xét chất lượng của nguồn nước cấp cho hệ thống nuôi thủy sản.

Quy phạm quản lý tốt hơn

Áp dụng cho ao

1. Liên hệ với 1 phòng thí nghiệm đã được công nhận tiêu chuẩn ISO 17025 để phân tích hàm lượng Phốt pho tổng số và Ni tơ tổng số. Yêu cầu họ đến trại nuôi của bạn và thu và phân tích những mẫu sau đây:
 - a. Nguồn nước cấp (mẫu này có thể trùng với mẫu đã thu tại mục 3.1 ở trên)
 - b. Nguồn nước thải, được thải ra từ hệ thống ao nuôi của bạn
2. Cần phải chắc chắn rằng những mẫu này được thu từ 1 ao ngẫu nhiên trong số các ao nuôi trong trang trại tại thời điểm nửa sau của chu kỳ nuôi.
3. Yêu cầu các nhân viên phòng thí nghiệm xác định hàm lượng Ni tơ tổng số và hàm lượng Phốt pho tổng số trong các mẫu nước bằng các phương pháp đã đề cập trong bộ tiêu chuẩn này (tham khảo Phụ lục D trong bộ tiêu chuẩn này).
4. Sau khi nhận được kết quả, bạn áp dụng công thức sau đây để tính toán sự thay đổi hàm lượng Ni tơ và Phốt pho tổng số

$\% \text{ thay đổi} = (\text{giá trị nước thải} - \text{giá trị nước cấp}) / \text{Giá trị nước cấp}$

5. Đảm bảo rằng % thay đổi về Phốt pho tổng số không vượt quá 100%. Nếu vi phạm bạn không đạt được yêu cầu của bộ tiêu chuẩn này.
6. Đảm bảo rằng % thay đổi về Ni tơ tổng số không vượt quá 70%. Nếu vi phạm bạn không đạt được yêu cầu của bộ tiêu chuẩn này.
7. Nếu bạn không đạt được yêu cầu của bộ tiêu chuẩn, cân nhắc áp dụng những giải pháp sau đây:
 - a. Sử dụng thức ăn có lượng TP và TN thấp hơn trong khi hệ số sử dụng thức ăn FCR là như nhau.
 - b. Sử dụng thức ăn có hệ số sử dụng thức ăn thấp hơn
 - c. Xử lý nước trước khi thải ra môi trường.
8. Ít nhất 1 lần trong tuần, đo hàm lượng ô xy hòa tan trong nước thải của trại nuôi. DO có thể xác định bằng máy đo Ô xy hòa tan cầm tay.
9. Cần đảm bảo hàm lượng ô xy hòa tan trong nước thải trại nuôi của bạn không thấp hơn 3 mg/L.

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

Tiêu chí 3.4: Bùn thải từ ao và đống quặng, không áp dụng cho nuôi lồng bè

Các tiêu chuẩn áp dụng (3.4.1 – 3.4.2)

Cơ sở lý luận: Quản lý chất thải ảnh hưởng trực tiếp đến các vấn đề ô nhiễm nước. Bùn thải từ ao nuôi thủy sản cần phải được xử lý phù hợp, không được phép thải trực tiếp vào các thủy vực (ví dụ, các nơi sử dụng chung và được nhà nước quản lý), vì bùn thải từ ao nuôi thủy sản là một nguồn ô nhiễm đáng kể.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Chỉ thải bùn thải vào một nơi thuộc phạm vi trại nuôi của bạn hoặc một trại nuôi khác (được chủ trại nuôi cho phép). Bạn phải được phép sử dụng khu vực mà bạn đổ bùn thải đáy ao nuôi.
2. Nếu bùn được cho (hoặc bán) cho bất kỳ người nào, cần phải có văn bản của người đó mô tả rõ lượng bùn họ đã nhận, thời điểm nhận và mục đích sử dụng.
3. Mô tả rõ bằng văn bản cách thức bạn quản lý bùn thải trong trại nuôi của bạn (chẳng hạn bạn cách thu bùn đáy ao như thế nào, lượng bùn là bao nhiêu, và bạn xử lý bùn đáy ao đó như thế nào).
4. Nếu bạn sử dụng một ao chứa xử lý bùn thải thì áp dụng công thức sau đây để đảm bảo chắc chắn diện tích ao xử lý bùn thải được tính toán dựa trên công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thể tích} \\ \text{ao} = \end{array} \quad [\text{Diện tích ao} \times 0,2 \text{ m}] \quad - \quad [\text{Diện tích ao chứa bùn} \times 0,3 \text{ m}]$$

Diện tích ao trong công thức chỉ tổng diện tích của tất cả các ao bạn thu gom bùn đáy để thải ra ao xử lý bùn đáy.

Tiêu chí 3.5: Quản lý chất thải

Các chỉ tiêu áp dụng (3.5.1 – 3.5.4)

Cơ sở lý luận: Xây dựng và hoạt động của một trang trại nuôi cá Tra/basa cần phải sử dụng các hóa chất gây độc hại (ví dụ, các chất dễ cháy, dầu nhớt, các loại phân bón) và thải các chất thải. Việc lưu trữ, vận chuyển và xử lý các vật liệu nguy hại và chất thải của trại nuôi phải được thực hiện có trách nhiệm, tuân thủ quy định của pháp luật nhằm giảm thiểu nguy cơ tác động đến môi trường và sức khỏe con người. PAD xác định các chỉ thị có thể định lượng để đánh giá việc thực hiện kế hoạch quản lý và phân tách các chất thải theo điểm đến. PAD xác định rằng tất cả các chất độc hại và chất thải phải được kiểm soát chặt chẽ và tỷ lệ chất thải tái chế sẽ được cải thiện theo thời gian, mục tiêu giai đoạn đầu là 50% chất thải sẽ được tái chế. Trong quá trình nuôi, cá chết hoặc yếu là một nguồn chất thải khá quan trọng. Biện pháp xử lý phù hợp (ví dụ, chôn lấp hoặc đốt) là cần thiết để đảm bảo các chất thải này không có ảnh hưởng đến môi trường. Trong trường hợp cá chết hàng loạt, ví dụ, do ô nhiễm hóa chất, thuốc trừ sâu hay điều kiện thời tiết bất thường, trại nuôi phải áp dụng các biện pháp xử lý cá chết phù hợp.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Mô tả chi tiết cách bạn xử lý hoặc xử lý
 - a. Chất thải rắn như túi thức ăn, thùng rỗng, vv.
 - b. Chất thải hóa chất/thuốc
 - c. Cá yếu, cá chết
2. Không đốt bất kỳ chất thải nào ở trại nuôi của bạn
3. Không thải bất kỳ chất thải rắn nào (ví dụ túi, thùng, vv.) ra môi trường quanh trại nuôi.
4. Hãy chắc chắn rằng bất kỳ chất thải rắn trong trại nuôi không có nguy cơ thải ra môi trường tự nhiên
5. Không thải bất kỳ chất thải rắn nào của người và vật nuôi ra môi trường xung quanh trại nuôi.
6. Hãy chắc chắn rằng bất kỳ chất thải của người và vật nuôi trong trại nuôi không có nguy cơ thải ra môi trường tự nhiên
7. Xây dựng nhà vệ sinh tự hoại để thu thập chất thải của người.
8. Chôn lấp phân thú nuôi
9. Không thải hóa chất hoặc chất thải từ thuốc thú y ra môi trường xung quanh trại nuôi

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

10. Hãy chắc chắn rằng bất kỳ chất thải hóa chất, thuốc thú y không có nguy cơ thải ra môi trường tự nhiên.
11. Hãy chắc chắn rằng tất cả các cá chết được xử lý bằng qua một trong các cách sau: đốt, chôn cất, lên men và sử dụng làm phân bón hoặc sản xuất bột cá, dầu cá. Cá chết không bao giờ được sử dụng làm thực phẩm dùng cho người. Nếu có bằng chứng rõ ràng rằng cá chết không gây ra bởi một tác nhân gây bệnh, thuốc trừ sâu hoặc hóa chất gây ô nhiễm môi trường, cá này có thể sử dụng làm thức ăn cho các động vật khác không phải là cá Tra/basa. Các bằng chứng về nguyên nhân làm cá chết phải được cung cấp bởi 1 chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sản (xem Nguyên tắc 6 cho biết thêm thông tin)

Tiêu chí 3.6: Tiêu thụ năng lượng

Các tiêu chuẩn áp dụng (3.6.1)

Cơ sở lý luận: Năng lượng được sử dụng trong tất cả các công đoạn của chu kỳ nuôi, thu hoạch, chế biến cá Tra/basa. Ngoài ra năng lượng còn được sử dụng cho các hoạt động khác như năng lượng dùng cho xây dựng trại nuôi, duy trì và nâng cấp các trang thiết bị, trong việc sản xuất các vật liệu xây dựng, sản xuất vôi, phân bón và các đầu vào khác. PAD thừa nhận rằng, tại thời điểm hiện tại, chưa có đủ dữ liệu sẵn có để xây dựng các tiêu chuẩn sử dụng năng lượng. Vì vậy, để xây dựng các tiêu chuẩn PAD đòi hỏi việc thu thập dữ liệu tiêu thụ năng lượng của các trại nuôi được kiểm soát để có thể thiết lập các tiêu chuẩn năng lượng trong tương lai. Để việc tính toán chuyển đổi từ năng lượng tiêu thụ thành lượng Các bon phát thải trong tương lai trở nên khả thi thì việc thu thập dữ liệu về tiêu thụ năng lượng cần phải làm đầy đủ và tích cực nhất có thể.

Toàn bộ cá chết sẽ dẫn đến sản xuất các khí thải nhà kính. Vì vậy, lượng cá chết và phương pháp được áp dụng để xử lý cá chết cần phải được ghi chép và lưu trữ để đưa vào khi tính toán năng lượng sử dụng.

Quy phạm quản lý tốt hơn

1. Ghi chép chi tiết những thông số sau đây:
 - a. Toàn bộ nhiên liệu (xăng, dầu diesel) sử dụng trong trại nuôi
 - b. Lượng điện sử dụng trong trại nuôi
 - c. Lượng cá chết và cách bạn xử lý

NGUYÊN TẮC 4: HẠN CHẾ TỐI ĐA TÁC ĐỘNG CỦA NUÔI CÁ TRA/BASA LÊN SỰ TOÀN VỆN VỀ DI TRUYỀN CỦA CÁC QUẦN THỂ CÁ TRA/BASA BẢN ĐỊA

Tiêu chí 4.1: Xuất hiện của cá Tra/basa trong hệ thống thoát nước

Các tiêu chuẩn áp dụng (4.1.1 – 4.1.3)

Cơ sở lý luận:

Nếu trang trại nuôi cá Tra/basa ở những nơi mà loài cá nuôi không phải là bản địa hoặc nơi một quần thể tự di cư chưa được hình thành, nuôi cá tra/basa có thể ảnh hưởng đến nơi sinh sống và/hoặc đến sự toàn vẹn về di truyền của các quần thể cá tra/basa địa phương. Nuôi cá Tra/basa có thể ảnh hưởng đến môi trường nếu không có các biện pháp nhằm hạn chế tối đa sự trốn thoát của các cá thể khỏi các hệ thống nuôi, đặc biệt qua hệ thống thoát nước hoặc khi bị ngập lụt. Các tiêu chuẩn của PAD giải quyết vấn đề này bằng cách đảm bảo rằng nuôi cá Tra/basa chỉ được thực hiện ở những nơi mà chúng là loài bản địa hoặc những nơi có quần thể cá tự di cư đã được hình thành từ trước tháng 1 năm 2005. Lý do lựa chọn thời gian này là đủ để hình thành ít nhất hai thế hệ (3 năm cho mỗi thế hệ) nhằm đảm bảo rằng bất kỳ trang trại nuôi các loài ngoại lai là hợp lệ bằng cách chứng minh sử dụng con giống của một quần thể đã được thành lập qua hai thế hệ.

PAD cho rằng có thể xây dựng một công nghệ nhằm hạn chế sự trốn thoát của cá. Việc này sẽ được cân nhắc hiệu chỉnh ở những phiên bản sau của bộ tiêu chuẩn này. Những trường hợp ngoại lệ cũng sẽ được cân nhắc.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Sử dụng một máy định vị vệ tinh toàn cầu để xác định vị trí trại nuôi của bạn. Cần đảm bảo rằng bạn xác định 4 điểm (tương ứng với 4 góc của trại nuôi của bạn)
2. Thu thập một bản đồ hệ thống sông ngòi và xác định trên đó vị trí trại nuôi của bạn
3. Nếu trại nuôi của bạn nằm trong khu vực sông Mê Kông và bạn đang nuôi *Pangasianodon hypophthalmus* hoặc *Pangasius bocourti* thì phù hợp với bộ tiêu chuẩn này.
4. Nếu bạn không nuôi cá ở khu vực đồng bằng sông Mê Kông, hỏi FAO, IUCN hoặc WWF nếu họ có thể cung cấp cho bạn bằng chứng rằng loài cá tra/basa bạn đang nuôi là giống bản địa của lưu vực sông nơi trại nuôi của bạn xây dựng. Một số thông tin cũng được cung cấp qua trang web của các tổ chức này, vì thế nếu bạn biết sử dụng internet thì có thể truy cập để tự tìm kiếm thông tin này
5. Nếu cá tra/basa là loài bản địa thì bạn đáp ứng được tiêu chuẩn này
6. Nếu cá tra/basa bạn đang nuôi không phải là loài bản địa thì bạn liên hệ với cán bộ địa phương hoặc trung ương để xin giấy chứng nhận loài cá tra/basa được nuôi đã được sản xuất từ quần đàn đã hình thành trước năm 2005. Bằng chứng này cần phải được dựa trên nhiều dẫn chứng của nhiều nhóm cá có tuổi khác nhau ở thời gian và địa điểm khác nhau
7. Nếu bạn không thu được những dẫn chứng đó từ chính quyền địa phương, liên hệ với một trường đại học ở địa phương đề nghị họ giúp đỡ bạn tìm kiếm những dẫn liệu đã được đăng tải trên những tạp chí khoa học quốc tế. Ngoài ra, những dẫn liệu phải dựa trên

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

nhiều bằng chứng về sự khác nhau của các nhóm tuổi tại các thời gian và địa điểm khác nhau nhằm chỉ ra rằng quần thể cá tự di cư đã được hình thành từ trước ngày 1/1/2005.

8. Nếu bạn có thể xác định các bằng chứng rằng loài cá nuôi thuộc một quần thể đã di cư từ trước 1/1/2005, nhờ một trường đại học ở địa phương giúp đỡ bạn tìm kiếm các dẫn liệu trên các tạp chí khoa học quốc tế để minh chứng rằng loài cá tra/basa bạn đang nuôi không có tác động tiêu cực nào đến môi trường. Nếu bạn không thu thập được những bằng chứng đó thì bạn không đáp ứng được yêu cầu của bộ tiêu chuẩn này.
9. Nếu cá tra/basa không phải là loài bản địa hoặc có nguồn gốc từ một quần thể tự di cư đã hình thành từ trước ngày 1/1/2005, thì cách duy nhất để bạn được chứng nhận là phải chứng minh rằng cá tra/basa không thể hình thành ở lưu vực sông nơi trại nuôi của bạn xây dựng. Để làm việc đó bạn sẽ phải nhờ sự giúp đỡ của 1 trường đại học hoặc một cơ quan nghiên cứu giúp đỡ tìm kiếm các dẫn liệu khoa học
10. Bất kỳ bằng chứng nào bạn thu thập phải được phải dựa trên số liệu thực địa và không dựa trên những nhận định mang tính lý thuyết (ví dụ “tại nhiệt độ nước này thì không thể hình thành một quần thể cá Tra/basa”).

Tiêu chí 4.2: Đa dạng nguồn gen

Các tiêu chuẩn áp dụng (4.2.1)

Cơ sở lý luận: Sự đa dạng nguồn gen là một vấn đề bảo tồn quan trọng, như cá Tra/basa nuôi trốn thoát ra môi trường có khả năng tác động tiêu cực đến sự đa dạng nguồn gen của cá Tra/basa hoang dã thông qua tạp giao. Sự thay đổi về tính đa dạng nguồn gen trong các quần thể cá nuôi nhốt hoặc sản xuất giống nhân tạo là hiện tượng phổ biến với bất kỳ loài cá nào sau vài thế hệ. Đối với cá Tra/basa, trong môi trường sinh sống tự nhiên chúng có một cấu trúc quần thể phức tạp và có những bằng chứng về sự tồn tại của nhiều quần thể cá Tra/basa độc lập. Sinh sản nhân tạo có thể dẫn đến hiện tượng cận huyết dẫn đến suy giảm tính đa dạng di truyền và giảm tỷ lệ sống. Việc di nhập một số dòng của cùng 1 loài (các dòng có đặc điểm di truyền khác nhau nhưng vẫn thuộc cùng 1 loài) sẽ dẫn đến nguy cơ các dòng cá này sẽ tác động đến hệ sinh thái tự nhiên khi chúng trốn thoát, tác động đó có thể sẽ không xảy ra với các dòng cá tra thuần chủng. Các tiêu chuẩn của PAD giải quyết vấn đề này bằng cách đảm bảo rằng cá giống bạn sử dụng để nuôi có nguồn gốc từ một quần thể đã được hình thành ở hệ thống sông nơi bạn xây dựng trại nuôi của bạn. Mặc dù cách áp dụng này có thể gây khó khăn cho các chương trình gia hóa, song PAD đã thống nhất chấp nhận cách tiếp cận vấn đề thận trọng khi giải quyết vấn đề di giống.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Nếu loài cá Tra/basa là loài bản địa hoặc từ một quần thể cá tự di cư đã được hình thành trước 1/1/2005, bạn chỉ có thể mua cá giống từ những quần thể có nguồn gốc ở hệ thống sông nơi bạn xây dựng trại nuôi. Do vậy bạn cần phải thu thập những bằng chứng về nguồn gốc cá bố mẹ của các trại giống nơi bạn mua cá giống chứng minh bạn đã phù hợp với các qui định của bộ tiêu chuẩn.
2. Nếu bạn không có những bằng chứng đó, bạn phải đề nghị chủ trại giống cung cấp những bằng chứng đó, nếu không bạn không phù hợp với quy định của bộ tiêu chuẩn này.

Tiêu chí 4.3: Nguồn cá giống

Tiêu chuẩn áp dụng (4.3.1)

Cơ sở lý luận: Có sự lo ngại về việc sử dụng nguồn cá giống được thu gom từ tự nhiên có thể dẫn đến những tác động xấu (ví dụ sự suy giảm) của các quần thể cá Tra/basa tự nhiên và đã xảy ra với những đối tượng thủy sản nuôi khác (ví dụ tôm).

Ngoài ra, phương pháp thu cá giống tự nhiên thường không chọn lọc, dẫn đến đánh bắt những loài không mong muốn, là nguyên nhân làm suy giảm nguồn lợi và sự đa dạng sinh học. Do vậy bạn chỉ nên sử dụng nguồn cá giống được sản xuất nhân tạo.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Không bao giờ sử dụng nguồn giống cá Tra/basa tự nhiên
2. Trong tất cả các đợt thả cá giống, bạn phải lưu giữ các giấy tờ xác nhận rằng cá giống bạn nuôi có nguồn gốc từ trại sản xuất giống nhân tạo từ nguồn cá bố mẹ được nuôi nhốt.

Tiêu chí 4.4: Các dòng cá biến đổi gen hoặc lai

Các tiêu chuẩn áp dụng (4.4.1)

Cơ sở lý luận: Nguy cơ mà những dòng cá Tra/basa chọn tạo giống cạnh tranh với những loài bản địa, gây ô nhiễm nguồn gen là đủ cơ sở để loại bỏ bất kỳ biện pháp tạo giống (chuyển gen hoặc lai tạo) đối với các loài nuôi áp dụng tiêu chuẩn của PAD. Do vậy, cá chuyển gen và lai bị cấm khi áp dụng bộ tiêu chuẩn này.

Sử dụng nguồn cá giống biến đổi gen tạo nên những vấn đề liên quan đến ô nhiễm nguồn gen và tác động đến quần thể được nuôi và quần thể cá hoang dã. Những tác động này có thể được phòng tránh bằng cách tránh sử dụng cá biến đổi gen hoặc lai, là yêu cầu của bộ tiêu chuẩn này của PAD.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Không bao giờ sử dụng cá giống biến đổi gen hoặc cá lai
2. Cho tất cả các lần thả giống, lấy giấy chứng nhận từ trại giống hoặc cơ sở ương cá rằng cá giống bạn mua không phải là cá biến đổi gen hay cá lai

Tiêu chí 4.5: Cá trốn thoát ra môi trường

Tiêu chuẩn áp dụng (4.5.1 – 4.5.4)

Cơ sở lý luận: Sự thay đổi về di truyền của các quần thể cá Tra/basa trong các trại giống là một khía cạnh của nuôi cá Tra/basa và những rủi ro liên quan đến vấn đề này cần phải được xem xét. Sự thay đổi về di truyền là vấn đề thường thấy ở những quần thể cá sinh sản trong điều kiện nuôi nhốt sau vài thế hệ. Vì vậy, việc hạn chế tốt đa sự thất thoát của cá nuôi nhằm ngăn chặn sự tạp giao làm thay đổi cấu trúc di truyền các quần thể cá tự nhiên là việc làm cần thiết.

Ngoài ra, những cá thể cá Tra/basa nuôi trốn thoát ra tự nhiên còn ảnh hưởng đến sự đa dạng sinh học của các loài thủy sinh không thuộc nhóm cá da trơn do chúng cạnh tranh về thức ăn và nơi sinh sống. Do có quá ít các thông tin đề cập đến vấn đề này được xác lập, nên đây là thách thức để PAD có thể xây dựng được ma trận các mối quan hệ. Do việc xây dựng bộ tiêu chuẩn này sẽ được tiếp tục cải tiến nên việc cần thiết là phải đánh giá những tác động này để xây dựng bổ sung những chỉ thị và tiêu chuẩn để lượng hóa đồng thời hạn chế được những tác động tiêu cực của vấn đề này. Công việc này sẽ được thực hiện trong những phiên bản sau của bộ tiêu chuẩn này.

Trong khi có nhiều các biện pháp kỹ thuật và phương pháp sẵn có để hạn chế cá trốn thoát ra tự nhiên, chưa có hệ thống kiểm chứng hoàn thiện nào được xây dựng. Do đó, điều quan trọng nhằm tiếp cận quản lý cá trốn thoát là từ quan điểm giảm thiểu thay vì loại bỏ mang theo lý thuyết. Giảm sự trốn thoát là một giải pháp kinh tế, vì đây là cách có hiệu quả nhằm ngăn chặn cá trốn thoát. PAD đã xây dựng một loạt các qui phạm thực hành quản lý tốt hơn nhằm nỗ lực hạn chế sự trốn thoát và đảm bảo sự tuân thủ qui định.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Thu mẫu định kỳ ít nhất là hàng tuần và ghi chép kích cỡ mẫu cá bạn thu
2. Ghi chép chủng loại và kích cỡ mắt lưới hoặc cỡ khe đăng chắn sử dụng để ngăn cá trốn thoát trong quá trình thay nước
3. Kiểm tra lưới hoặc đăng chắn hàng ngày để phát hiện các chỗ bị hư hại
4. Nếu phát hiện có chỗ thủng hoặc rách, cần sửa chữa ngay.
5. Lưu ý phải lưu trữ nhật ký mỗi ngày bạn kiểm tra, kết quả kiểm tra và nếu bạn phát hiện những chỗ hư hại, cách bạn đã sửa chữa.
6. Liên hệ với chính quyền địa phương/trung ương và xin sao các số liệu quan trắc về mức nước trong 10 năm gần đây.
7. Thu thập các báo cáo của chính quyền địa phương/quốc gia về độ cao của hệ thống đê điều và độ cao của điểm trại nuôi của bạn. Nếu bất kỳ điểm nào trên bờ bao trại nuôi thấp hơn mức nước cao nhất trong 10 năm gần đây, thì cần phải chắc chắn bạn đã gia cố, đắp cao thêm bờ ao để cao hơn mức nước này.

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

8. Đặt các bẫy cá ở đường mương thoát và lấy nước.
9. Kiểm tra các bẫy này (hàng ngày nếu có thể), ghi chép số lượng cá Tra/basa mắc bẫy.
10. Nếu bạn phát hiện có bất kỳ cá Tra/basa nào, kiểm tra xem chúng đến từ đâu và ghi chép lại những hoạt động bạn đã làm để xác định nguồn gốc cá mắc bẫy (ví dụ, kiểm tra kỹ lưới, đăng chắn; sửa chữa những lỗ rách hoặc hỏng nhỏ mà những lần kiểm tra trước không phát hiện được...)

Tiêu chí 4.6: Sửa chữa ao là một phần của quản lý cá trốn thoát

Tiêu chuẩn áp dụng (4.6.1 – 4.6.2)

Cơ sở lý luận: Như đã trình bày ở trên, các cá thể cá Tra/basa trốn thoát từ các cơ sở nuôi thủy sản có thể gây ra một nguy cơ rủi ro cho công việc bảo tồn. Trong khi nông dân có thể đã có các biện pháp áp dụng nhằm giảm thiểu sự trốn thoát của cá nuôi (ví dụ, tiêu chuẩn 4.5), song sự trốn thoát của cá nuôi đôi khi xảy ra khi bị vỡ bờ bao, ao nuôi bị ngập lụt, hoặc thậm chí nông dân thả cá đi khi chuẩn bị ao nuôi. Những trường hợp này đều có những tác động lớn đến môi trường (cả cá Tra/basa và những quần thể cá cá khác). Vì vậy những trường hợp này không thể chấp nhận theo bộ tiêu chuẩn này.

Lý do có có hai tiêu chuẩn riêng biệt nhưng hơi khác nhau, tiêu chuẩn về cá trốn thoát ra môi trường là nông dân có thể đã tuân thủ hoàn toàn với tiêu chuẩn 4.5 nhưng có trường hợp cá nuôi mắc dịch bệnh, nông dân đã xả toàn bộ cá bệnh ra môi trường. Bờ bao trại nuôi đã không được xây dựng hợp lý (khi thiết kế/xây dựng). Do vậy, chiều cao của bờ không đủ, bờ có thể bị đổ dẫn đến cá nuôi trốn thoát ra tự nhiên. PAD sẽ không muốn cấp chứng nhận cho những trường hợp này.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Bờ bao không phép để vỡ trong suốt chu kỳ nuôi. Nếu bờ bao bị vỡ thì trại nuôi sẽ không được xem xét cấp chứng nhận
2. Không được phép thả cá nuôi ra ngoài tự nhiên, kể cả trong những trường hợp cá nuôi chậm lớn hoặc chỉ còn một vài cá thể sống sót sau khi cá nuôi chết hàng loạt.

NGUYÊN TẮC 5: SỬ DỤNG THỨC ĂN VÀ KỸ THUẬT CHO ĂN NHẪM ĐẢM BẢO THỨC ĂN SỬ DỤNG LÀ BỀN VỮNG VÀ ÍT NHẤT

Tiêu chí 5.1: Tính bền vững về các nguyên liệu thức ăn

Các tiêu chuẩn áp dụng (5.1.1 – 5.1.7)

Cơ sở lý luận: Có những lo ngại về khả năng tác động đến đa dạng sinh học biển khi sử dụng nguồn bột cá và dầu cá làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ nguồn cá tự nhiên và vấn đề hiệu quả chuyển hóa thức ăn. Mặc dù lượng bột cá và dầu cá được sử dụng trong thức ăn cho cá Tra/basa là ít hơn nhiều so với thức ăn nuôi tôm hay cá hồi, các tiêu chuẩn này sẽ, theo thời gian, đảm bảo nâng cao hiệu quả chuyển hóa dinh dưỡng. Bộ tiêu chuẩn cũng sẽ đảm bảo rằng nguồn nguyên liệu thức ăn được quản lý và sử dụng đúng cách để tránh những tác động tiêu cực đến nguồn lợi tự nhiên và hệ sinh thái của chúng. Trong trường hợp thức ăn được sản xuất ngay tại trại nuôi, trại nuôi sẽ được yêu cầu chứng minh sự tuân thủ các yêu cầu về thành phần, nguồn cung nguyên liệu và chất lượng thức ăn. Trường hợp sử dụng thức ăn thương mại, bộ tiêu chuẩn này yêu cầu các tài liệu của các nhà cung cấp thức ăn chứng minh rằng họ đáp ứng được các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn này.

Tiêu chuẩn 5.1.1 Nghiêm cấm việc sử dụng cá tươi hoặc các sản phẩm cá đánh bắt từ tự nhiên (đôi khi gọi là “cá tạp”), sử dụng đơn lẻ hoặc kết hợp với các nguyên liệu khác, làm thức ăn nuôi cá Tra/basa. Khai thác và sử dụng cá tạp làm thức ăn sẽ dẫn đến suy giảm nguồn lợi ven biển (do cá tạp bao gồm cả cá non của những loài cá kinh tế), gây ô nhiễm môi trường nước, tăng nguy cơ lây lan dịch bệnh cho cá nuôi và người, đặc biệt là khi cá chưa được nấu chín.

Theo Tổ chức Quốc tế về Bột cá và Dầu cá (IFFO), 25% bột cá hiện thế giới đang sử dụng trong nuôi trồng thủy sản có nguồn gốc từ phụ phẩm chế biến thủy sản. Tỷ lệ này được kỳ vọng là sẽ ngày càng tăng lên. Mặc dù việc sử dụng các phụ phẩm của chế biến cá được khuyến khích, song sử dụng bột cá có nguồn gốc từ phụ phẩm của các nhà máy chế biến cá Tra/basa để chế biến thức ăn nuôi cá Tra/basa có nguy cơ dẫn đến lây lan bệnh dịch. Tại thời điểm này, chưa có những đánh giá rủi ro liên quan đến vấn đề này trên cá Tra/basa. Vì vậy, các thành viên tham gia PAD đã quyết định chỉ thị 5.1.2. rằng cho phép sử dụng các sản phẩm phụ của chế biến cá Tra/basa làm nguyên liệu thức ăn cho cá Tra/basa cho đến khi rủi ro còn nằm trong một phạm vi chấp nhận được theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia.

Trong khi PAD khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm phụ từ chế biến, tổ chức này nhận thấy việc này có thể dẫn đến tăng hệ số sử dụng thức ăn, do vậy vấn đề phải cân nhắc giữa lượng chất thải hay hiệu quả sử dụng nguồn lợi hải sản. PAD đã nỗ lực để giải quyết vấn đề phải cân nhắc này bằng cách tiêu chuẩn hóa hệ số sử dụng thức ăn (xem tiêu chuẩn 5.2) và tiêu chuẩn chất thải (xem Nguyên tắc 3).

Các tiêu chuẩn 5.1.3 và 5.1.4. cần đảm bảo rằng các loài đã được xếp vào danh sách dễ tổn thương hoặc nguy cấp, những loài cần được bảo vệ và những loài cấm buôn bán không được khai thác và sử dụng làm thức ăn hoặc nguyên liệu thức ăn nuôi cá Tra/basa.

Cá và các sản phẩm từ cá (bột cá và dầu cá) sử dụng làm thức ăn cần phải có nguồn gốc hợp pháp, được báo cáo và được khai thác có kiểm soát, tuân thủ theo “Quy tắc nghề cá có trách

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

nhệm” của tổ chức Nông Lương của Liên hiệp quốc (FAO), ví dụ được chứng nhận bởi tổ chức ISEAL hoặc được xác nhận bởi IFFO và FishSource. Một cách lý tưởng, tất cả bột cá và dầu cá sử dụng sản xuất thức ăn có nguồn gốc từ khai thác bền vững và được đánh bắt ở những nơi mà sản phẩm đánh bắt phụ được duy trì trong giới hạn cho phép. Thức ăn cũng không sử dụng nguyên liệu là các loài có nguy cấp.

Hiện nay thức ăn sử dụng nuôi cá Tra/basa (thức ăn công nghiệp hoặc tự chế biến) chủ yếu sử dụng nguồn bột cá được chế biến từ sản phẩm đánh bắt gần bờ của Việt Nam, Bangladesh hoặc Ấn Độ. Do vậy việc truy xuất nguồn gốc và cấp chứng nhận hiện nay là khó khăn ở khu vực châu Á, ngoài ra cơ sở hạ tầng hỗ trợ quản lý tốt nghề cá và nguồn lợi thủy sản còn hạn chế. Điều này làm cho quá trình xây dựng các tiêu chuẩn có độ tin cậy áp dụng cho trại nuôi rất khó khăn. Theo thời gian, dự kiến rằng các trại nuôi muốn được xem xét cấp chứng nhận theo bộ tiêu chuẩn này sẽ sử dụng thức ăn sử dụng nguyên liệu bột cá và dầu cá được cung cấp từ các nguồn đã được cấp chứng nhận bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc. Theo kế hoạch thực hiện, ở giai đoạn hiện nay là đề nghị các nhà sản xuất minh chứng rằng thức ăn được sử dụng đáp ứng được các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn này. Để làm được điều này yêu cầu các nhà máy, đại lý thức ăn cung cấp các thông tin để hỗ trợ cho người nuôi cá kê khai.

PAD đã xác định chứng nhận là thành viên của ISEAL là phương án phù hợp nhất để đánh giá nghề cá bền vững, vì phương pháp chứng nhận là rất rõ ràng, có thể kiểm chứng và truy xuất nguồn gốc. Hiện nay, mới chỉ có Hội đồng quản lý nuôi Hải sản Stewardship (MSC) là đáp ứng được yêu cầu này. Trong khi đó số lượng bột cá và dầu cá được cấp chứng nhận còn rất hạn chế, đặc biệt là ở khu vực nuôi cá Tra/basa. Yêu cầu chứng nhận phù hợp với qui định của ISEAL trong trường hợp này sẽ tạo ra những khó khăn đặc biệt cho người nuôi cá Tra/basa và có thể có những tác động tiêu cực đến việc áp dụng bộ tiêu chuẩn này. Để tránh cho việc này xảy ra, hai phương án là có chứng nhận (FS và IFFO) được cân nhắc sử dụng như các chỉ thị hiệu quả tạm thời cho đến khi chứng nhận bột cá và dầu cá trở nên phổ biến và ngành công nghiệp sản xuất thức ăn có thể áp dụng được.

Điều cần phải lưu ý là mặc dù các tiêu chuẩn tạm thời cũng sẽ gây nên những trở ngại đáng kể cho ngành công nghiệp cá Tra/basa, do nghề khai thác cá tự nhiên làm nguyên liệu sản xuất bột cá địa phương hiện nay không đáp ứng được điều kiện của các các phương án chứng nhận tạm thời nêu trên. Thực hiện các tiêu chuẩn tạm thời hay chính thức khi chưa cân nhắc đầy đủ sự sẵn có của bột cá và dầu cá được cấp chứng nhận đáp ứng yêu cầu của những tiêu chuẩn này là trở ngại không công bằng đối với người dân nuôi cá mong muốn được cấp chứng nhận do bắt họ phải phụ thuộc vào thức ăn được sản xuất từ nguồn nguyên liệu ngoại nhập đắt đỏ. Điều này cũng sẽ là trở ngại cho việc áp dụng bộ tiêu chuẩn này.

Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn cần giảm rủi ro liên quan đến nguy cơ không thể đạt được các tiêu chuẩn do thiếu nguyên liệu sẵn có và giá cả phải chăng, thường là nguồn nguyên liệu địa phương đồng thời đảm bảo rằng có đủ động lực để cải thiện các kỹ thuật hiện đang áp dụng.

Để dung hòa hai điểm này, hai mốc quan trọng đã được xác định bởi các PAD nhằm đạt được sự phù hợp. Nếu các sản phẩm thủy sản được MSC chứng nhận sẵn có ở khu vực (hoặc tạm thời, quần đàn đáp ứng được các tiêu chuẩn tạm thời này), các trại nuôi được chứng nhận có thời hạn tối đa là 3 năm để chuyển sang sử dụng thức ăn đạt tiêu chuẩn này. Nếu nguồn này không sẵn có

trong thời hạn 5 năm sau khi công bố tiêu chuẩn PAD, tiêu chuẩn này sẽ được sửa đổi để đảm bảo lộ trình tuân thủ tiêu chuẩn được thực hiện.

Thức ăn sử dụng một số nguyên liệu từ các nguồn trong đất liền, bao gồm cả sản phẩm từ động vật và thực vật, một số trong đó có thể được biến đổi gen. Mặc dù có thể có các vấn đề môi trường và xã hội gắn liền với những nguyên liệu này, song PAD đã quyết định không đưa chúng vào các tiêu chuẩn hiện hành. Dự định rằng các tiêu chuẩn sẽ được bao gồm trong Đối thoại thức ăn và nguyên liệu thức ăn hoặc trong một phiên bản sửa đổi tương lai của bộ tiêu chuẩn này.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

Thức ăn thương mại

Hỏi nhà sản xuất thức ăn nếu thức ăn

- a. Không chứa các sản phẩm từ cá Tra/basa
- b. Không chứa các loài bị đe dọa, nằm trong danh sách đỏ của IUCN
- c. Không chứa các loài nằm trong danh sách của CITES (Công ước Quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp), Phụ lục I, II và III
- d. Nếu trước 25 tháng 8 năm 2015, chỉ chứa bột cá và dầu cá với các yêu cầu sau:
 - i. Hoặc là điểm theo tổ chức FishSource là $\geq 6,0$ trong đó điểm thành viên không $< 6,0$ hoặc N/A trong danh mục đánh giá nguồn lợi
 - ii. Hoặc từ một cơ sở được chứng nhận phù hợp với mục 11 (nguồn cung có trách nhiệm), 2 (truy suất nguồn gốc), 3 (sản xuất có trách nhiệm) của Tổ chức quốc tế về Bột cá và Dầu cá (IFFO) “Chương trình nguồn cung có trách nhiệm cho việc chứng nhận thực hành có trách nhiệm đối với các sản phẩm bột cá và dầu cá”
 - iii. Hoặc được sản xuất bởi một cơ sở được chứng nhận là thành viên của ISEAL
- e. Nếu sau ngày 25 tháng 8 năm 2015, thức ăn chỉ chứa bột cá và dầu cá từ một cơ sở đã được chứng nhận là thành viên của ISEAL
- f. Nếu đúng, đề nghị họ cung cấp một văn bản chỉ rõ nguồn gốc của các sản phẩm cá họ sùng và các nhận định trên là đúng.

Thức ăn tự chế

1. Ghi chép lại các nguyên liệu sử dụng để chế biến thức ăn
2. Không bao giờ sử dụng cá tươi hoặc các sản phẩm thủy sản chưa qua chế biến (bao gồm cả cá tạp) làm thức ăn trực tiếp. Các sản phẩm cá sử dụng làm thức ăn phải được nấu chín hoặc được chế biến
3. Không được phép sử dụng các sản phẩm cá Tra/basa làm thức ăn cho cá Tra/basa
4. Xin ý kiến của một trường đại học hoặc các tổ chức khác giúp đỡ bạn nhằm khẳng định thức ăn bạn sử dụng tuân thủ những điều kiện sau đây:
 - a. Không chứa các loài cá nằm trong danh sách đỏ của IUCN về các loài nguy cấp
 - b. Không chứa các loài cá nằm trong danh mục của Công ước quốc tế về buôn bán các loài có nguy cơ tuyệt chủng (CITES), được đề cập ở phụ lục I, II và III
 - c. Nếu trước 25 tháng 8 năm 2015, chỉ chứa bột cá và dầu cá với các yêu cầu sau:

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

- i. Hoặc là điểm theo tổ chức FishSource là $\geq 6,0$ trong đó điểm thành viên không $< 6,0$ hoặc N/A trong danh mục đánh giá nguồn lợi
 - ii. Hoặc từ một cơ sở được chứng nhận phù hợp với mục 11 (nguồn cung có trách nhiệm), 2 (truy suất nguồn gốc), 3 (sản xuất có trách nhiệm) của Tổ chức quốc tế về Bột cá và Dầu cá (IFFO) “Chương trình nguồn cung có trách nhiệm cho việc chứng nhận thực hành có trách nhiệm đối với các sản phẩm bột cá và dầu cá”
 - iii. Hoặc được sản xuất bởi một cơ sở được chứng nhận là thành viên của ISEAL
 - d. Nếu sau ngày 25 tháng 8 năm 2015, thức ăn chỉ chứa bột cá và dầu cá từ một cơ sở đã được chứng nhận là thành viên của ISEAL
5. Lưu ý rằng sử dụng phụ phẩm từ nhà máy chế biến (giả sử nhà máy không chế biến cá Tra/basa) hoặc các sản phẩm thủy sản nuôi không yêu cầu bạn phải tuân thủ các quy định ở trên, các quy định trên chỉ áp dụng với cá có nguồn gốc từ tự nhiên.
 6. Nếu bạn nghĩ rằng có thể phân biệt được sản phẩm cá phù hợp với các tiêu chuẩn mà không cần sự trợ giúp, hãy thực hiện theo hướng dẫn sau đây:

Danh sách đỏ của IUCN:

Hướng dẫn:

- a. Vào trang web <http://www.iucnredlist.org/>
- b. Vào mục "other search options"
- c. Chọn "Taxonomy"
- d. Chọn "Animalia"
- e. Nhập dữ liệu "Location", "Systems", "Habitat",
- f. Bấm vào "run search" và ghi chép lại những loài mà được liệt kê vào danh sách bị đe dọa bởi hoạt động nuôi trồng.

CITES

Hướng dẫn

- a. Vào trang web <http://www.cites.org/eng/resources/species.html>
- b. Lựa chọn "Species" nhấp chuột vào "find it"
- c. Xác định xem loài cá mình sử dụng có nằm trong danh sách của CITES hay không

FISH-SOURCE

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

- a. Vào trang <http://www.fishsource.org/>
- b. Lựa chọn "Species" vào tab ở bên trái
- c. Lựa chọn loài mà trại nuôi đang sử dụng làm bột cá hay dầu cá
- d. Nếu loài đó không nằm trong trang web của FishSource, và dầu cá hay bột cá không có nguồn gốc từ phụ phẩm chế biến thủy sản có nguồn gốc đánh bắt, nuôi trồng thì nguồn bột cá hay dầu cá đó không đáp ứng được yêu cầu. Liên hệ với FishSource thông qua Hiệp hội Khai thác thủy sản bền vững (SFP) để xác định loài cá là việc ưu tiên cho đánh giá.
http://www.fishsource.org/site/contact_us
- e. Nếu loài cá đang được đánh giá, lựa chọn tab ở trên cùng "Score"
- f. Điểm trung bình phải đạt 6,0 hoặc cao hơn và không vi phạm N/A thuộc nhóm "Stock Assessment" (nhóm 4 trong cho điểm của FishSource) thì phù hợp.

IFFO

- a. Vào trang web <http://www.iffonet/>
- b. Chọn IFFO RS trong menu bên trái. Sẽ chuyển đến trang IFFO ResponsibleSourcing
- c. Chọn "Plants approved under the IFFORS". Sẽ dẫn đến các file định dạng PDF có chứa danh sách các nguồn đã được thừa nhận. Mở và lưu tài liệu này.

ISEAL

- a. Vào trang web http://www.isealalliance.org/organisation/full_members
- b. Xem những trang web thành viên chính thức của ISEAL nhằm kiểm tra nguồn cá nào đã được chứng nhận

Tiêu chí 5.2: Quản lý hiệu quả thức ăn sử dụng trong trại nuôi

Các tiêu chuẩn áp dụng (5.2.1 – 5.2.2)

Cơ sở lý luận: Quản lý tốt thức ăn trong trại nuôi và hiệu quả sử dụng thức ăn là rất quan trọng để đạt được hiệu quả sử dụng nguồn thức ăn sẵn có. Quản lý thức ăn trên trại nuôi hiệu quả là cần thiết để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thức ăn sẵn có và giảm thiểu chất thải. Khẩu phần cho ăn và hệ số chuyển hóa thức ăn cho cá nên được đưa vào các tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả và ổn định. FFER và eFCR là phương tiện hữu ích để đánh giá việc sử dụng sản phẩm cá đang được quản lý và chất thải đang được giảm thiểu tối đa.

Tính toán và giám sát hệ số thức ăn (lượng thức ăn được sử dụng để sản xuất một lượng cá nhất định) là một trong những cách đơn giản và tốt nhất để người nuôi có thể xác định hiệu quả sử dụng thức ăn. Bằng cách khuyến khích người nuôi ghi chép lại hệ số thức ăn và nỗ lực để giảm hệ số thức ăn, bộ tiêu chuẩn này sẽ khuyến khích người nuôi cá sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực và qua đó hiểu rõ hơn các hoạt động của họ.

Hệ số sử dụng thức ăn trung bình (eFCR) liên quan đến sinh khối của cá, khối lượng cá được nuôi trong ao, và lượng thức ăn đã sử dụng để làm thay đổi khối lượng từ khi thả đến khi thu hoạch trong 1 ao nhất định. Hệ số thức ăn có thể thay đổi phụ thuộc vào mỗi ao trong cùng 1 trại nuôi, thời gian nuôi và giai đoạn sinh trưởng hay cỡ cá nuôi. Tại một trại nuôi, kích cỡ ao nuôi, số lượng cá thả và khối lượng cá thu hoạch có thể khác nhau. Do vậy, phương pháp đơn giản nhất để điều chỉnh các thông số trong này trong trại nuôi là sử dụng hệ số thức ăn trung bình eFCR, đã được tính toán là 1,68.

FFER là một thông số đánh giá hiệu quả chuyển hóa của các sản phẩm có nguồn gốc từ thủy sản (dầu cá, bột cá) trong thức ăn thành sinh khối của cá nuôi. Ước tính được chấp nhận cho sản lượng bột cá và dầu cá từ đánh bắt trong tự nhiên là 22-27% đối với bột cá và 3 -7% cho dầu cá, tùy thuộc vào loài và mùa. Đối với PAD, giả định sản lượng bột cá trung bình toàn cầu đạt 22,22 % và sản lượng dầu cá 5 %. Tuy nhiên, nếu có thể, sản lượng này phải được điều chỉnh để phản ánh các loài sử dụng làm thức ăn trong thực tế.

Cũng cần lưu ý rằng bất kỳ nguồn bột cá nào được chế biến từ phụ phẩm chế biến thủy sản không áp dụng để tính FFER.

Qui phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Có sổ ghi chép chi tiết lượng thức ăn hàng ngày cho mỗi ao, bè, hay đăng quàng nuôi
2. Lập sổ ghi chép chi tiết lượng cá bán đã thu hoạch từ mỗi ao, lồng bè, đăng quàng khi thu hoạch.
3. Ghi chép chi tiết khối lượng cá thả vào mỗi ao, lồng bè, đăng quàng
4. Ghi chép chi tiết khối lượng cá nuôi trong mỗi ao, lồng bè hay đăng quàng.
5. Tính toán eFCR cho mỗi ao, lồng bè và đăng quàng theo công thức sau đây:

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

Hệ số thức ăn trung bình eFCR (cho mỗi ao, lồng bè hoặc đăng quàng):

Thức ăn đã sử dụng (Tấn)

Khối lượng cá thu (Tons) – Khối lượng cá thả (Tons)

6. Tính toán sản lượng cá ở mỗi ao, lồng bè, đăng quàng theo công thức sau

Sản lượng (Yield) (tính cho mỗi ao, lồng bè, đăng quàng) :

Khối lượng cá thu hoạch (Tấn) – Khối lượng cá thả (tấn)

7. Tính toán hệ số thức ăn trung bình eFCR cho toàn trại nuôi theo công thức sau

Hệ số thức ăn trung bình eFCR (cho toàn trại nuôi):

$(eFCR1 \times Yield1) + (eFCR2 \times Yield2) + \dots + eFCRn \times Yieldn$

$(Yield1 + Yield2 + \dots + Yieldn)$

Sử dụng công thức này bạn nhân, ví dụ hệ số thức ăn trung bình của ao số 1 với sản lượng của ao số 1, hệ số thức ăn trung bình của ao số 2 với sản lượng của ao số 2 v.v. Cộng tất cả các giá trị đó lại và chia cho tổng sản lượng của các ao sẽ tính được hệ số thức ăn trung bình của cả trại nuôi.

8. Với nông dân, để đạt được giá trị 0,5 của hệ số chuyển hóa sản phẩm cá (FFER) là yêu cầu của bộ tiêu chuẩn này, sử dụng 0.5 kg cá đánh bắt từ tự nhiên phải sản xuất được ít nhất 1 kg cá nuôi.

9. Hệ số FFER là một thông số để tính toán cứ bao nhiêu cá tự nhiên sử dụng để sản xuất cá nuôi. Công thức tính FFER cho cá Tra/basa như sau:

$$\text{FFER sum} = \frac{\sum (\% \text{ bột cá trong thức ăn}^{**}) \times (\text{tấn thức ăn đã dùng})}{\text{Sản lượng cá} \times 22,2}$$

Trong đó

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

** % bột cá trong một loại thức ăn cụ thể và tính bằng giá trị (ví dụ trong thức ăn có chứa 7% bột cá thì đưa giá trị 7 vào công thức);

Tần thức ăn đã sử dụng tương ứng với thức ăn có tỷ lệ bột cá nhất định đã được đưa vào công thức;

*Sản lượng cá được tính bằng công thức sau:

Sản lượng cá = (Khối lượng cá hiện còn trong ao + khối lượng cá đã thu hoạch – khối lượng cá giống thả ban đầu – lượng cá giống có sẵn trong ao).

10. Nông dân phải ghi chép chi tiết tất cả lượng thức ăn họ đã mua và, nếu sử dụng thức ăn tự chế thì tất cả các loại nguyên liệu đã mua và sử dụng. Số liệu ghi chép phải thể hiện được tỷ lệ bột cá trong mỗi loại thức ăn và yêu cầu nhà cung cấp thức ăn cung cấp số liệu này; lượng thức ăn đã sử dụng theo mỗi loại; và hóa đơn mua thức ăn để khẳng định việc mua thức ăn. Nông dân phải chuẩn bị sẵn số liệu tính toán chi tiết lượng thức ăn tự chế và thức ăn đã sử dụng.
11. Phụ thuộc vào kích cỡ và loại cá Tra/basa sản xuất hoặc hệ thống nuôi, nông dân có thể tăng hay giảm lượng bột cá sử dụng trong thức ăn. Cần phải lưu ý rằng khi tăng lượng bột cá trong thức ăn thì sẽ càng giới hạn lượng thức ăn có thể cho cá ăn theo tiêu chuẩn này. Nếu tính cho cả chu kỳ nuôi, chỉ số FFER không được vượt quá 0,5 vì vậy nông dân phải tính toán sao cho phù hợp.
12. Cũng cần lưu ý rằng bất kỳ nguồn bột cá nào được chế biến từ phụ phẩm chế biến thủy sản (không kể các sản phẩm cá Tra/basa) và thủy sản nuôi sử dụng làm thức ăn thì không áp dụng để tính FFER.

NGUYÊN TẮC 6: GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG LÊN HỆ SINH THÁI VÀ SỨC KHỎE CON NGƯỜI, TRONG KHI TỐI ĐA HÓA SỨC KHỎE CÁ, AN SINH CHO CÁ NUÔI VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Tiêu chí 6.1: Tỷ lệ cá chết

Các tiêu chuẩn áp dụng (6.1.1)

Cơ sở lý luận: Một trong những tác động chính của nuôi trồng thủy sản có thể làm gia tăng sự lây truyền các bệnh tự nhiên hoặc ngoại lai. Tuy nhiên, rất khó để viết các tiêu chuẩn nhằm giải quyết vấn đề này. Một trong những lựa chọn tốt nhất để đảm bảo rằng việc lây truyền bệnh được giảm thiểu tối đa là thông qua việc đảm bảo tối ưu sức khỏe cá. Một chỉ tiêu quan trọng của sức khỏe cá là tỷ lệ sống trong quá trình nuôi.

Tỷ lệ sống đặt ra trong bộ tiêu chuẩn này là một chỉ thị được đánh giá dựa trên trên hiệu quả phòng bệnh thành công. Giả sử tỷ lệ sống phụ thuộc vào các yếu tố khác nhau, chẳng hạn như chất lượng nước và thức ăn, các chỉ số này cũng được đề cập ở những phần khác trong bộ tiêu chuẩn. Việc áp dụng qui phạm các thực hành quản lý tốt cần dẫn đến kết quả tỷ lệ sống là đồng nhất giữa các đơn nguyên nuôi. Các tiêu chuẩn được đề xuất vẫn cho phép một tỷ lệ chết nhất định, song người nuôi cá sẽ phải phản ứng nhanh chóng để ngăn chặn bệnh lây lan sang các ao hoặc trại nuôi khác.

Mặc dù tỷ lệ tử vong có liên quan đến kích cỡ cá giống, các tiêu chuẩn này không nêu cụ thể kích cỡ con giống, vì kích cỡ khác nhau của nguồn giống là một thực hành quản lý mà người nuôi có thể xem xét để tiếp cận tiêu chuẩn dựa trên hoạt động này.

Nông dân sẽ cung cấp sổ ghi chép về số lượng cá thả và số lượng cá thu hoạch. Số lượng cá lúc thu hoạch có thể được tính bằng cách lấy tổng khối lượng cá thu hoạch chia cho khối lượng trung bình của 1 cá thể. Người nuôi phải ghi chép thông tin chi tiết về khối lượng của mỗi thùng/mã cân khi thu hoạch và tổng khối lượng cá thu hoạch.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Giữ lại các hóa đơn mua cá giống chỉ khối lượng cá thả và kích cỡ cá thả ở mỗi ao, lồng bè và đăng quảng.
2. Giữ lại các hóa đơn bán cá chỉ khối lượng cá thu hoạch, cỡ cá thu hoạch trung bình ở mỗi ao, lồng bè và đăng quảng.
3. Tính tỷ lệ sống cho mỗi ao, lồng bè và đăng quảng theo công thức sau đây

Tỷ lệ sống (Cho mỗi ao, lồng bè, đăng quang)

=

$$\frac{(\text{Số lượng cá thả} - \text{Số lượng cá thu hoạch}) \times 100}{(\text{Số lượng cá thả})}$$

4. Tính toán tỷ lệ chết trung bình cho cả cang trại của bạn bằng cách cộng tỷ lệ chết ở tất cả các ao, lồng bè, đăng quang và chia cho tổng số ao, lồng bè, đăng quang ta được tỷ lệ cá chết trung bình.
5. Nếu tỷ lệ cá chết cao hơn 20%, thì không phù hợp với tiêu chí của bộ tiêu chuẩn này và bạn có thể làm những việc sau đây:
 - a. Mời một chuyên gia về bệnh động vật thủy sản giúp đỡ bạn nâng cao tỷ lệ sống của cá nuôi.
 - b. Thả cá giống khỏe mạnh
 - c. Thả cá giống có kích cỡ lớn hơn

Tiêu chí 6.2:Thuốc thú y thủy sản và hóa chất

Các tiêu chuẩn áp dụng (6.2.1 – 6.2.7)

Cơ sở lý luận: Thuốc thú y và hóa chất có đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sức khỏe và tỷ lệ sống còn của cá, tuy nhiên, việc sử dụng quá mức các loại thuốc và hóa chất này có thể gây ra các tác động đối với sức khỏe con người cũng như môi trường.

Qui phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Liên hệ với chính quyền địa phương/quốc gia để hỏi xin danh mục thuốc, hóa chất và các sản phẩm sinh học được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản. Bạn chỉ được phép sử dụng những thuốc, hóa chất nằm trong danh mục này.
2. Nếu bạn biết đất nước nơi nhập khẩu cá Tra/basa của bạn, cần chắc chắn rằng bạn không sử dụng bất kỳ sản phẩm nào đã bị cấm sử dụng trong thực phẩm ở đất nước đó. Thông tin này có sẵn ở những cơ quan chính quyền địa phương hoặc quốc gia điều hành xuất khẩu các sản phẩm cá Tra/basa.
3. Nếu bạn không biết nước nhập khẩu sản phẩm cá của bạn, liên hệ với chính quyền địa phương hoặc trung ương để hỏi về 5 nước nhập khẩu chính sản phẩm cá Tra/basa của bạn. Hỏi các cơ quan này về danh mục sản phẩm thuốc, hóa chất đã bị cấm sử dụng trong thực phẩm ở 5 nước đó và đảm bảo rằng bạn không sử dụng bất kỳ sản phẩm bị cấm nào ở cả 5 nước đó.
4. Bạn không được phép sử dụng bất kỳ chất nào đã nằm trong danh mục các chất kháng sinh quan trọng dùng trong y học của Tổ chức y tế thế giới (WHO), không sử dụng ngay cả khi các thuốc đó được phép sử dụng ở nước bạn. Danh mục này được đăng trên trang web http://www.who.int/foodborne_disease/resistance/antimicrobials_human.pdf. Tìm kiếm các phiên bản cập nhật cho danh mục này. Nếu bạn không thể tìm thấy danh mục này, nhờ ai đó (có thể là 1 nhân viên trường đại học) giúp đỡ bạn.
5. Ghi chép lại tất cả các loại thuốc thú y, hóa chất và các chế phẩm sinh học bạn sử dụng. Ghi chép phải rất chi tiết bạn đã sử dụng thuốc cho ao, lồng hoặc đăng quảng nào, chủng loại và liều lượng mỗi loại sản phẩm bạn đã sử dụng.
6. Lưu giữ lại cả thông tin tên nhà cung cấp và địa chỉ liên lạc.
7. Không lưu trữ bất kỳ sản phẩm thuốc, hóa chất nào đã bị cấm trong trại nuôi của bạn, ngay cả khi bạn không có ý định sử dụng các sản phẩm đó trong trại nuôi của bạn.
8. Khi sản ra các vấn đề dịch bệnh, liên hệ với một nhân viên về bệnh động vật thủy sản. Nhân viên về bệnh cá phải đáp ứng những yêu cầu sau:
 - a. Nhân viên về bệnh động vật thủy sản được nhà nước chỉ định. Vì vậy người đó phải cho bạn xem quy định về quản lý sức khỏe động vật thủy sản. Giữ bản sao của quy định đó và bản sao giấy chứng minh của nhân viên đó.
 - b. Người làm công tác thú y thủy sản phải được đào tạo ít nhất 3 tháng về quản lý

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

sức khỏe động vật thủy sản (ít nhất là 60 giờ). Khóa đào tạo này có thể là một môn học trong chương trình đào tạo đại học về thú y. Người làm công tác thú y thủy sản phải cho bạn xem bằng đại học và giấy chứng nhận của họ về đã tham gia đào tạo về quản lý sức khỏe cá. Sao lưu bằng đại học và giấy chứng nhận để tham khảo.

- c. Hoặc một kỹ sư nuôi trồng thủy sản (có bằng đại học chính quy hoặc tại chức), họ đã tham gia khóa tập huấn về bệnh cá ít nhất 3 tháng (tổng số giờ học là 60 giờ). Khóa đào tạo về bệnh cá này có thể là một môn học trong quá trình đào tạo đại học. Tương tự như trên, kỹ sư thủy sản phải cho bạn xem bằng đại học và giấy chứng nhận của họ về đã tham gia đào tạo về quản lý sức khỏe cá. Sao lưu bằng đại học và giấy chứng nhận để tham khảo.
9. Trước khi bạn sử dụng bất kỳ thuốc hay hóa chất để chữa bệnh cá bạn phải hỏi ý kiến của các chuyên gia bệnh động vật thủy sản và ghi chép lại những thông tin sau đây:
- a. Cá nuôi của bạn mắc bệnh gì
 - b. Những loại thuốc hóa chất nào nên dùng
 - c. Sử dụng những loại thuốc hóa chất đó như thế nào (cách dùng, liều lượng vv)
 - d. Cách thao tác và bảo quản những chất đó như thế nào
 - e. Thông báo cho ai về tình hình dịch bệnh và bằng cách nào
 - f. Làm thế nào để hạn chế sự lây lan dịch bệnh đến những trại nuôi xung quanh và quần thể cá tự nhiên
 - g. Có những đề xuất nào khác không
10. Nếu bạn phải thông báo cho ai đó về tình hình dịch bệnh cá xảy ra trong trại nuôi của bạn, đề nghị họ cho bạn văn bản xác nhận họ đã nhận được thông báo
11. Unless specified (in writing) differently by the specialist, you should always follow the label specifications concerning the use of the substance you use for the purpose you are using it
12. Giữ lại nhãn các thuốc, hóa chất vạn dùng và giải thích lý do tại sao bạn dùng những chất đó
13. Ghi chép nhiệt độ nước hàng ngày
14. Sau khi áp dụng thuốc, hóa chất đảm bảo chắc chắn rằng bạn phải có thời gian để thuốc và hóa chất được đào thải trước khi thu hoạch. Thời gian đào thải đôi khi được ghi trên nhãn sản phẩm. Nếu không có, bạn phải áp dụng thời gian đào thải theo bảng dưới đây. Lưu ý rằng thời gian đào thải phụ thuộc vào nhiệt độ nước ao.

Nhiệt độ trung bình	Thời gian từ khi kết thúc sử dụng thuốc đến khi thu hoạch
20	38
21	36
22	35
23	33
24	32
25	30
26	29
27	28

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

28	27
29	26
30	25
31	25
32	24
33	23
34	23
35	22

15. Bạn không được phép sử dụng thuốc thú y (ví dụ kháng sinh) trước khi chuyên gia về bệnh động vật thủy sản xác định được bệnh cần phải điều trị. Tuy nhiên bạn có thể áp dụng vaccines trước khi dịch bệnh xảy ra.
16. Tương tự, bạn không được phép sử dụng thuốc để kích thích cho cá sinh trưởng nhanh hơn, do thuốc chỉ nên sử dụng để chữa bệnh, và không được phép sử dụng thuốc trước khi bệnh xảy ra. Tuy nhiên, vaccines có thể sử dụng nếu bạn nghĩ rằng cá của bạn sẽ sinh trưởng nhanh hơn.
17. Đề nghị chuyên gia bệnh xác nhận rằng không có dấu hiệu đã sử dụng thuốc kháng sinh cho một bệnh cụ thể trước khi có ý kiến tư vấn của chuyên gia.

Tiêu chí 6.3: Kế hoạch phòng trị bệnh cá Tra/basa

Các tiêu chuẩn áp dụng (6.3.1)

Qui phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Thiết lập một bản kế hoạch phòng trị bệnh cá Tra/basa và đảm bảo chắc chắn những thông tin sau đây được đưa vào kế hoạch
 - Tên và địa điểm trại nuôi
 - Danh sách các bệnh đã được xác định trước đây
 - Kế hoạch phòng bệnh và phác đồ điều trị những bệnh đã từng gặp trước đây (bao gồm hóa chất, thuốc thú y, chế phẩm sinh học và thời gian đào thải)
 - Phương pháp tẩy dọn ao nuôi
 - Phương pháp áp dụng vaccines, nếu có
 - Quy trình an toàn sinh học
 - Chương trình sàng lọc các bệnh liên quan
 - Phương pháp quản lý chất lượng nước nhằm phòng ngừa dịch bệnh
 - Ghi chép kết quả kiểm tra định kỳ của chuyên gia bệnh được chỉ định
 - Số lần và phương pháp loại bỏ cá bị yếu và xử lý cá chết
 - Các phương pháp phòng bệnh khác nếu có
 - Quy trình vận chuyển thả giống và cá thu hoạch
 - Nguyên nhân và cơ chế liên quan đến xảy ra dịch bệnh, bao gồm cả báo cáo về tình hình xảy ra dịch bệnh của chuyên gia bệnh cá và những người khác nếu có
 - Phương pháp phòng ngừa sự lây lan của bệnh (ví dụ, qua nước thải và cá)
2. Đề nghị chuyên gia bệnh cá xem xét và phê duyệt kế hoạch bằng cách ký vào bản kế hoạch.
3. Chính sửa lại bản kế hoạch phòng trị bệnh hàng năm, cập nhật thêm thông tin khi cần thiết và yêu cầu chuyên gia bệnh phê duyệt lại bản kế hoạch ssax sửa đổi.

Tiêu chí 6.4: Ghi chép, lưu trữ hồ sơ về các đơn nguyên nuôi cá

Tiêu chuẩn áp dụng (6.4.1 – 6.4.4)

Cơ sở lý luận: Ghi chép hàng ngày về số lượng cá chết, các dấu hiệu bệnh lý được sử dụng để hiệu chỉnh các tiêu chuẩn của PAD để xây ma trận tương quan về sinh trưởng của cá..

Ghi chú: Các tiêu chuẩn liên quan đến sức khỏe cá nuôi có thể được xác định khi chỉnh sửa bộ tiêu chuẩn này.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Lưu trữ hồ sơ liên quan đến chủng loại, mùa vụ sử dụng, liều lượng sử dụng và thời gian đào thải của tất cả các thuốc thú y đã sử dụng cho mỗi ao, lồng bè hay đăng quàng. Đảm bảo rằng việc sử dụng là đúng với kê đơn của chuyên gia bệnh động vật thủy sản.
2. Mỗi đợt thả giống, lấy hóa đơn và giấy xác nhận các thông tin sau
 - a. Ngày mua
 - b. Mô tả tình trạng sức khỏe của cá và các biểu hiện bất thường (nếu có) tại thời điểm bán cá
 - c. Danh sách các thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học đã sử dụng trong khi sinh sản nhân tạo
 - d. Giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc kiểm tra bệnh theo quy định của nước sản xuất
3. Theo dõi bệnh cá hàng ngày và ghi chép lại những thông tin sau đây
 - a. Xuất hiện các dấu hiệu bất thường ví dụ tập tính ăn, bơi lội, các dấu hiệu ngoài thân ca (lở loét, các điểm chấm, ký sinh trùng hay mòn vây).
 - b. Số lượng cá chết
4. Tham khảo ý kiến của chuyên gia bệnh về tỷ lệ chết tự nhiên của cá nuôi trong trại của hạn hàng tuần, hàng tháng đến khi thu hoạch. Cần đảm bảo rằng bạn có giấy xác nhận đã tham khảo ý kiến của chuyên gia bệnh theo định kỳ như trên và có chữ ký xác nhận
5. Hàng ngày nếu tỷ lệ cá chết trong bất kỳ ao, lồng bè hay đăng quàng vượt quá tỷ lệ chết tự nhiên do chuyên gia bệnh cung cấp thì bạn phải liên lạc với chuyên gia bệnh để xin ý kiến tư vấn về những việc cần phải làm (xem qui phạm thực hành quản lý tốt hơn trong Nguyên tắc này)

Tiêu chí 6.5: An sinh cho cá

Các tiêu chuẩn áp dụng (6.5.1 – 6.5.3)

Cơ sở lý luận: Tốc độ tăng trưởng tối thiểu được lựa chọn dựa trên giả định rằng cá nuôi trong điều kiện an sinh tốt sẽ sinh trưởng tốt. Tuy nhiên, tiêu chuẩn về tốc độ tăng trưởng tối thiểu không áp dụng đối với các hệ thống nuôi hữu cơ hay nuôi với mức thâm canh thấp.

Mật độ cá nuôi là một yếu tố quan trọng liên quan đến sức khỏe và an sinh của cá nuôi. Điều cần thiết là luôn phải tìm sự cân bằng giữa hiệu quả không gian, hiệu suất nuôi, kiểm soát dịch bệnh và an sinh của cá. Hướng dẫn về mật độ tối đa cho các ao nuôi cá, đăng quảng và lồng (tại bất kỳ thời gian nào trong quá trình sản xuất) là một công cụ quan trọng để duy trì sức khỏe cá.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Lưu giữ các hóa đơn về cỡ cá bán thả và cỡ cá thu hoạch
2. Lưu trữ số liệu về số ngày bạn đã nuôi cá trong mỗi đơn nguyên ao, lồng bè hay đăng quảng
3. Tính toán tốc độ tăng trưởng trung bình cá nuôi ở mỗi ao, lồng bè hay đăng quảng theo công thức sau đây

Tăng trưởng bình quân (g/cá/ngày) =
$$\frac{\text{Khối lượng trung bình lúc thu (g)} - \text{Khối lượng trung bình lúc thả (g)}}{\text{Số ngày nuôi}}$$

4. Cộng tốc độ tăng trưởng trung bình của cá ở tất cả các ao, lồng bè, đăng quảng trong trại nuôi của bạn và chia cho tổng số ao, lồng bè, đăng quảng được giá trị tăng trưởng bình quân cho cả trại nuôi. Nếu tốc độ tăng trưởng bình quân thấp hơn 3,85 g/con/ngày thì bạn không đáp ứng được tiêu chí của bộ tiêu chuẩn này. Khi đó bạn phải cân nhắc làm những việc sau đây:
 - a. Cải thiện sức khỏe cá nuôi
 - b. Cải thiện chất lượng cá giống bạn nuôi
 - c. Cải tiến chế độ cho ăn để đảm bảo cá nuôi tăng trưởng nhanh hơn
5. Vẽ sơ đồ trại nuôi của bạn và xác định vị trí của mỗi ao, lồng bè hay đăng quảng và mô tả rõ diện tích (m²) mỗi ao, đăng quảng và thể tích (m³) cho mỗi lồng bè.
6. Lưu trữ số liệu về số lượng cá thả trong mỗi ao, lồng bè và đăng quảng và kích cỡ trung bình của cá.

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

7. Đảm bảo rằng mật độ cá nuôi **trong ao và đẽng quầng** không vượt quá 38 kg/m². Nếu bạn muốn tiếp tục nuôi khi mật độ cá đạt ngưỡng trên thì phải chuyển bớt cá sang các đơn nguyên (ao, đẽng quầng) nơi có mật độ nuôi thấp hơn, nếu không bạn không đáp ứng được tiêu chí của bộ tiêu chuẩn này.
8. Đảm bảo rằng mật độ cá nuôi **trong ao lồng bè** không vượt quá 80 kg/m³. Nếu bạn muốn tiếp tục nuôi khi mật độ cá đạt ngưỡng trên thì phải chuyển bớt cá sang các lồng bè có mật độ nuôi thấp hơn, nếu không bạn không đáp ứng được tiêu chí của bộ tiêu chuẩn này.

Tiêu chí 6.6: Kiểm soát địch hại

Tiêu chuẩn áp dụng (6.6.1 – 6.6.2)

Cơ sở lý luận: Địch hại có thể là vấn đề nghiêm trọng trong các trại nuôi. Có thể kiểm soát được địch hại mà không cần thiết phải giết chúng. Điều này là đặc biệt quan trọng với những loài nằm trong danh sách những loài bị đe dọa.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Lưu trữ danh sách tất cả các thiết bị (ví dụ bẫy) bạn dùng để kiểm soát địch hại.
2. Đảm bảo rằng bạn không bao giờ sử dụng các thiết bị giết các địch hại. Một sự kết hợp giữa các biện pháp ngăn chặn (lưới, dây chằng cho các đăng quàng) để chặn cá và các thiết bị xua đuổi (tạo tiếng ồn, bù nhìn, người chuyển động) đã được chứng minh là những phương tiện dùng để xua đuổi địch hại cho cá Tra/basa.
3. Tỷ lệ chết do địch hại thường cao nhất ở giai đoạn cá giống, do vậy các thiết bị ngăn chặn hay xua đuổi nên được lắp đặt quanh khu vực ương giống của 1 trại nuôi.
4. Nông dân có thể mua các thiết bị ngăn chặn, song những thiết bị ngăn chặn này có thể tự chế bằng các vật liệu rẻ tiền. Các sợi dây dùng để neo đậu có thể làm bằng các vật liệu khác nhau và buộc vào nơi cột dây neo xung quanh trại nuôi. Những thiết bị tự chế dạng này thường xuyên được sử dụng với các khu vực nuôi lớn như đăng quàng, ao.
5. Lưới chắn, có thể mua hay tự làm và có thể căng trên mặt nước. Căng lưới thường áp dụng với các ao nhỏ, bể hay lồng bè nuôi.
6. Các thiết bị xua đuổi như các thiết bị gây tiếng động có thể được mua và thường xuyên được rung lắc để tạo tiếng động, lắp đặt ở những nơi có nhiều địch hại. Chim, đặc biệt là rất nhạy cảm với những tiếng động khi chúng sinh sống ở cùng khu vực.
7. Bù nhìn, ma-nơ-canh, tượng động vật có thể sử dụng để đuổi chim, nhưng những thiết bị xua đuổi này phải được thay đổi vị trí sau 2-3 ngày để địch hại không thể quen với sự xuất hiện của những vật này.
8. Con người cũng là một phương tiện hữu hiệu để xua đuổi địch hại, đặc biệt là khi di chuyển kèm theo dụng cụ phát tiếng động, que hoặc dây xua đuổi.
9. Đối với các địch hại không phải là con người trong trại nuôi cá Tra/basa, tỷ lệ chết do địch hại đạt thấp nhất khi kết hợp giữa che chắn và các dụng cụ xua đuổi địch hại. Do vậy rất hiếm khi gặp các vấn đề lớn do địch hại, vì vậy không phải là vấn đề đáng lo ngại.
10. Trong một số trường hợp hiếm gặp, địch hại có thể bị bắt hay bị mắc bẫy bởi những thiết bị che chắn. Nếu trường hợp đó xảy ra, bạn phải nỗ lực bằng mọi cách để thả những động vật ra khỏi các thiết bị che chắn này. Tuy nhiên, nếu địch hại bị mắc bẫy và bị thương nặng hoặc quá yếu khi mắc bẫy thì bạn có thể để chúng chết nhẹ nhàng.

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

11. Trong một số khu vực nuôi cá Tra/basa có một số quần xã động vật hiếm hoặc riêng biệt tồn tại. Những động vật hiếm nhất thường là nhóm các động vật nằm trong danh sách các loài bị đe dọa. Tổ chức quốc tế về bảo tồn thiên nhiên hoang dã (IUCN) duy trì cơ sở dữ liệu, danh sách đỏ, cho phép nhận biết các loài này. Theo bộ tiêu chuẩn này, không cho phép bạn giết hại bất kỳ loài nào nằm trong danh sách đỏ. Bạn phải lưu tâm đến các loài bản địa và danh sách đỏ, thực hiện các biện pháp phòng tránh để nhận biết những loài này trong trường hợp chúng di cư qua hoặc định cư quanh trại nuôi của bạn. Các giải pháp phòng tránh bao gồm tăng cường lắp đặt các thiết bị xua đuổi quanh trại nuôi; ngoài ra còn phải tăng cường đăng lọc quanh nơi bơm nước hoặc tăng cường hoạt động của con người và kiểm soát. Hướng dẫn của IUCN về cơ sở dữ liệu các loài thuộc danh sách đỏ như sau:

Hướng dẫn:

- a. Vào trang web <http://www.iucnredlist.org/>
- b. Vào mục "other search options"
- c. Chọn "Taxonomy"
- d. Chọn "Animalia"
- e. Nhập dữ liệu "Location", "Systems", "Habitat",
- f. Bấm vào "run search" và ghi chép lại những loài mà được liệt kê vào danh sách bị đe dọa bởi hoạt động nuôi trồng.

Thực hiện các biện pháp phòng tránh để bảo vệ các loài thuộc danh sách đỏ của IUCN, nếu chúng nằm trong nhóm bị tổn thương, nguy cấp, đặc biệt nguy cấp, tuyệt chủng trong tự nhiên hoặc tuyệt chủng đã được biết ở khu vực trại nuôi (bao gồm cả các thủy vực cấp và nhận nước).

12. Dịch hại là con người hay đánh bắt trộm thì phải áp dụng các biện pháp và quan hệ cộng đồng để giải quyết. Những nỗ lực giải quyết vấn đề này được mô tả ở những quy phạm thực hành quản lý tốt hơn giả quyết các vấn đề liên quan đến cộng đồng ở phần sau của công cụ này.

NGUYÊN TẮC 7: PHÁT TRIỂN VÀ VẬN HÀNH TRẠI NUÔI THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NHẪM ĐÓNG GÓP CÓ HIỆU QUẢ CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG VÀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Tiêu chí 7.1 Luật lao động

Các tiêu chuẩn áp dụng (7.1.1)

Cơ sở lý luận: Luật lao động trong nước sản xuất cá Tra/basa đặt ra các yêu cầu tối thiểu cho một trại nuôi hoạt động hợp pháp. Vì lý do này, pháp luật phải được tuân thủ đầy đủ. Nếu các yêu cầu của luật đó theo cách nào đó khác với các tiêu chuẩn PAD, người nuôi phải tuân thủ các tiêu chuẩn PAD, bao gồm cả những tiêu chuẩn tiêu chuẩn theo tiêu chí này (luật lao động) và những tiêu chuẩn theo các tiêu chí và vấn đề khác.

Qui phạm thực hành tốt hơn

1. Liên hệ với chính quyền cơ sở và quốc gia để hỏi họ về luật và quy định về lao động (luật và quy định về lao động áp dụng cho công nhân trong trại nuôi) trong khu vực của bạn. Đảm bảo rằng bạn đã tuân thủ theo luật và qui định đó, đặc biệt là những vấn đề sau đây:
 - a. Hợp đồng lao động
 - b. Lao động trẻ em
 - c. Thời gian làm việc
 - d. Điều kiện làm việc/sinh sống
 - e. Mức lương tối thiểu
 - f. Lợi ích/phục cấp
 - g. Sức khỏe và an toàn
 - h. Có nội quy của trại nuôi
2. Lưu copy tất cả các luật và quy định

Tiêu chí 7.2: Lao động trẻ em và thiếu niên

Các tiêu chuẩn áp dụng (7.2.1–7.2.2)

Cơ sở lý luận: Tuân thủ bộ luật lao động trẻ em và các định nghĩa nêu trong phần này phù hợp với những gì mà Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và các công ước quốc tế nói chung công nhận là các vấn đề có ý nghĩa quan trọng để bảo vệ các lao động trẻ em và lao động thiếu niên. Trẻ em đặc biệt dễ bị tổn thương do khai thác kinh tế, do những hạn chế cố hữu liên quan đến tuổi trong phát triển sinh lý, kiến thức và kinh nghiệm. Trẻ em cần thời gian thích hợp để được giáo dục, phát triển, và vui chơi; do đó, sẽ không bao giờ phải tiếp xúc với công việc hoặc những giờ làm việc gây nguy hiểm đến sức khỏe thể chất và tinh thần của trẻ. Đối với vấn đề này, các tiêu chuẩn liên quan đến lao động trẻ em nhằm bảo vệ lợi ích của trẻ em và lao động thiếu niên trong các hoạt động nuôi trồng thủy sản được chứng nhận.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Lưu giữ danh sách cập nhật về lao động trong trại của bạn
2. Lưu giữ bản phô tô copy chứng minh thư của tất cả lao động trong danh sách trên
3. Không bao giờ thuê lao động nhỏ hơn 15 tuổi
4. Với những lao động trong độ tuổi từ 15-18, có bản mô tả công việc của họ và đảm bảo những vấn đề sau đây:
 - a. Chỉ giao cho họ những việc nhẹ, những việc đó phải 1) không ảnh hưởng đến sức khỏe và phát triển của trẻ vị thành niên và 2) không ảnh hưởng đến tham gia học tập và giờ đến trường, tham gia vào các khóa học ngoại khóa hoặc tập huấn, hoặc làm mất cơ hội của họ được hưởng lợi từ các hoạt động đào tạo trên
 - b. Không bao gồm các công việc nguy hiểm, một cách tự nhiên hay hoàn cảnh bắt buộc họ phải làm mà có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn hay đạo đức của công nhân.
5. Có bảng chấm công số giờ lao động hàng ngày
6. Đối với những công nhân trong độ tuổi từ 15-18, lưu giữ bảng ghi chép số giờ gọ đến trường và chắc chắn rằng:
 - a. Không ảnh hưởng việc đến trường
 - b. Khi cộng số giờ làm việc tại trại nuôi và đến trường không quá 10 giờ/ngày

Tiêu chí 7.3: Lao động bắt buộc và cưỡng ép

Các tiêu chuẩn áp dụng (7.3.1)

Cơ sở lý luận: Lao động cưỡng bức (vd, nô lệ, làm công trừ nợ và buôn bán người) là một mối quan ngại trong nhiều ngành công nghiệp và khu vực trên thế giới. Đảm bảo rằng lao động có hợp đồng rõ ràng và người lao động hiểu đúng các điều khoản là rất quan trọng để xác định rằng lao động không ép buộc. Việc người lao động không thể tự do rời khỏi nơi làm việc và / hoặc một người chủ giữ lại bản gốc các tài liệu nhận dạng của người lao động là dấu hiệu của lao động không tự nguyện. Nhân công được phép rời khỏi nơi làm việc và quản lý thời gian của mình. Người sử dụng lao động không bao giờ được phép giữ lại tài liệu nhận dạng gốc của họ. Việc tuân thủ các chính sách này sẽ cho thấy hoạt động nuôi trồng thủy sản không sử dụng lực lượng lao động bắt buộc, cưỡng ép, hay lao động trừ nợ.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Công nhân có quyền được thôi việc khi họ không muốn tiếp tục làm việc trong trại nuôi của bạn và phải được nhận đủ lương cho đến ngày làm việc cuối cùng, người lao động phải thông báo trước cho bạn về việc họ xin nghỉ làm như đã ghi trong hợp đồng lao động.
2. Tất cả lao động có thể tự do rời nơi làm việc sau khi hết giờ và tự quản lý thời gian cá nhân của họ đúng theo các điều khoản đã ghi trong hợp đồng lao động.
3. Bạn không được phép giữ bản gốc của các giấy tờ cá nhân như chứng minh thư của công nhân làm trong trại nuôi của bạn.
4. Bạn không được phép giữ lại bất kỳ phần lương, phúc lợi, tài sản hoặc giấy tờ của công nhân để ép buộc họ tiếp tục làm việc cho bạn.
5. Công nhân không bị bắt buộc làm việc để trả nợ

Tiêu chí 7.4: Sức khỏe và an toàn

Tiêu chuẩn áp dụng (7.4.1 – 7.4.4)

Cơ sở lý luận: Một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh là điều cần thiết để bảo vệ người lao động khỏi bị tổn hại. Điều này rất quan trọng đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm để giảm thiểu những rủi ro. Một số rủi ro chính cho người lao động bao gồm nguy hiểm do tai nạn và thương tích. Đào tạo người lao động có hiệu quả đối với thực hành an toàn và sức khỏe là một biện pháp phòng ngừa quan trọng. Khi một tai nạn, chấn thương, hoặc vi phạm xảy ra, công ty phải ghi lại và có hành động khắc phục để xác định nguyên nhân gốc rễ của vụ việc, khắc phục, và thực hiện các bước để ngăn ngừa xảy ra sự cố tương tự trong tương lai. Điều này sẽ giải quyết các vi phạm và các nguy cơ về sức khỏe và an toàn lâu dài. Cuối cùng, khi luật quốc gia yêu cầu người sử dụng lao động chịu trách nhiệm trước các tai nạn / thương tích liên quan đến công việc, không phải tất cả các quốc gia yêu cầu này và không phải tất cả người lao động (vd: người di cư và người lao động khác) sẽ thực hiện theo luật này. Khi không được bảo hiểm theo luật pháp quốc gia, người sử dụng lao động phải chứng minh họ đang tham gia bảo hiểm để trang trải 100 phần trăm chi phí cho người lao động trong tai nạn hoặc chấn thương liên quan đến công việc. Mặc dù việc chi trả các chi phí liên quan tàn tật vĩnh viễn do tai nạn lao động là quan trọng, tuy nhiên, hiện nay, đây là vấn đề không thực tế trong ngành công nghiệp cá tra. Tuy nhiên, nếu có thể, các sửa đổi trong thời gian tới sẽ đưa cả vấn đề tàn tật vĩnh viễn vào trong tiêu chuẩn PAD.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Lưu giữ danh sách các nguy cơ về sức khỏe và an toàn. Các nguy cơ là những nguyên nhân tiềm ẩn gây ra thương tích hay làm hại sức khỏe con người. Chẳng hạn việc vận hành máy móc nặng không an toàn hay tiếp xúc với hóa chất độc hại mà không có bảo hộ ...
2. Đối với mỗi mối nguy, xây dựng quy tắc vận hành chuẩn (SOP), mô tả chi tiết cách vận hành.
3. Đảm bảo rằng tất cả công nhân của bạn được trang bị đủ bảo hộ lao động để phòng tránh các mối nguy
4. Tập huấn cho công nhân về các mối nguy mà họ có thể gặp phải trong công việc và đảm bảo rằng họ đã hiểu và nhớ quy tắc vận hành chuẩn (SOP).
5. Cung cấp nước uống sạch và an toàn cho công nhân
6. Có nhà vệ sinh và các điều kiện vệ sinh khác để xử lý chất thải của con người
7. Có nơi ở cho công nhân được xây dựng bằng các vật liệu để chống lại các điều kiện thời tiết ở địa phương (ví dụ, mưa, gió vv)
8. Lưu trữ thông tin về tất cả các vụ tai nạn xảy ra trong trại nuôi của bạn, ngay cả khi tai nạn là nhỏ. Sau mỗi ghi chép, mô tả lại những biện pháp ngăn chặn và các hoạt động đã thực hiện để ngăn chặn, chẳng hạn những công việc mà bạn đã làm để nguy cơ xảy ra tai nạn tương tự là ít hơn.

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

9. Nếu bảo hiểm y tế quốc gia không chi trả, bạn phải thanh toán bảo hiểm y tế cho tất cả công nhân lao động trong trại nuôi của bạn có thời hạn lao động nhiều hơn 3 tháng một năm. Bảo hiểm phải thanh toán 100% chi phí chữa bệnh liên quan đến các tai nạn lao động xảy ra trong khi làm việc.

Tiêu chí 7.5: Tự do liên kết và thỏa ước tập thể

Các tiêu chuẩn áp dụng (7.5.1)

Cơ sở lý luận: Có quyền tự do để liên kết và thỏa ước tập thể là một quyền quan trọng của người lao động vì nó cho phép người lao động có mối quan hệ quyền lực cân bằng hơn với người sử dụng lao động khi làm những việc chẳng hạn như thương lượng đền bù công bằng. Mặc dù điều này không có nghĩa là tất cả người lao động của một hoạt động nuôi trồng thủy sản được chứng nhận phải thuộc một tổ chức công đoàn hay tổ chức tương tự, người lao động không bị cấm tiếp cận với các tổ chức như vậy nếu các tổ chức đó tồn tại. Nếu các tổ chức không tồn tại hoặc bất hợp pháp, các công ty phải làm rõ rằng họ sẵn sàng tham gia vào một cuộc đối thoại tập thể thông qua một cơ cấu đại diện được người lao động tự do bầu ra.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Công nhân, cả công nhân tạm thời, có quyền ra nhập các tổ chức bảo vệ quyền lợi của họ (bao gồm quyền thỏa ước tập thể) mà không bị ngăn cản từ bạn hay người lao động khác và không bị các tác động bất lợi khi vì họ thực hiện quyền này.
2. Thông báo cho công nhân quyền đó và chắc chắn rằng họ nhận thức được quyền của mình
3. Bạn phải cho phép bất kỳ đại diện nào của công đoàn thương mại hay các tổ chức khác mà công nhân của bạn ra nhập có quyền làm việc với các thành viên của họ trong trại nuôi của bạn tại những thời gian thích hợp.

Tiêu chí 7.6: Phân biệt đối xử

Tiêu chuẩn áp dụng (7.6.1)

Cơ sở lý luận: Đối xử không bình đẳng với người lao động, dựa trên đặc điểm nhất định (chẳng hạn như giới tính hay chủng tộc), là vi phạm nhân quyền của người lao động. Ngoài ra, phân biệt đối xử lan rộng trong môi trường làm việc có thể ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống chung và tốc độ phát triển kinh tế. Phân biệt đối xử xảy ra trong nhiều môi trường làm việc và có nhiều hình thức khác nhau. Để đảm bảo rằng phân biệt đối xử không xảy ra tại các trại nuôi trồng thủy sản được chứng nhận, người sử dụng lao động phải chứng minh cam kết bình đẳng bằng một chính sách chống phân biệt đối xử chính thức, một chính sách trả lương công bằng cho các công việc giống nhau, cũng như các thủ tục rõ ràng để lưu trữ và phản ứng trước các khiếu nại về phân biệt đối xử một cách có hiệu quả. Bằng chứng, bao gồm cả lời khai của người lao động, của sự tuân thủ các chính sách và thủ tục sẽ thể hiện sự giảm thiểu tối đa phân biệt đối xử.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Tài liệu bằng văn bản cam kết chống phân biệt đối xử, công bố rằng trong công ty/trại nuôi của bạn không tham gia vào việc ủng hộ phân biệt đối xử với công nhân, trả lương, tham gia học tập, thăng tiến, thôi việc và nghỉ hưu, nhóm người trong xã hội, quốc tịch, tàn tật, giới tính, định hướng tình dục, thành viên công đoàn, tham gia chính trị, tuổi hoặc các lĩnh vực khác mà có cơ hội phân biệt đối xử.
2. Chính sách phải tuyên bố rõ ràng rằng quyền lợi của người có mang, các bà mẹ đang giai đoạn cho con bú được bảo vệ.
3. Bạn hay bất kỳ ai trong công ty của bạn không ham muốn can thiệp vào quyền lợi của nhân viên mong muốn hay thực hiện, hoặc để đáp ứng nhu cầu liên quan đến chủng tộc, đẳng cấp, nguồn gốc quốc gia, tôn giáo, khuyết tật, giới tính định hướng giới tính, thành viên công đoàn, liên kết chính trị hay điều kiện nào khác có thể làm gia tăng sự phân biệt đối xử

Tiêu chí 7.7: Công bằng và thực hành tiến bộ với người lao động (bao gồm cả các hình thức xử phạt)

Tiêu chuẩn áp dụng (7.7.1)

Cơ sở lý luận: Kỷ luật và nguyên tắc ở nơi làm việc là điều chỉnh những hành động không đúng và duy trì mức độ làm việc hiệu quả của người lao động. Tuy nhiên, những hành động lạm dụng kỷ luật có thể vi phạm nhân quyền của người lao động. Các thực hành kỷ luật sẽ luôn tập trung vào sự tiến bộ của người lao động. Một trại nuôi trồng thủy sản chứng nhận sẽ không bao giờ được phép dụng kỷ luật mang tính đe dọa, làm nhục hay trừng phạt có tác động tiêu cực đối với sức khỏe thể chất và tinh thần cũng như lòng tự trọng của người lao động. Người sử dụng lao động ủng hộ các thực hành kỷ luật không lạm dụng như mô tả trong hướng dẫn đi kèm, cũng như các bằng chứng từ người lao động, sẽ cho thấy một hoạt động nuôi trồng thủy sản được chứng nhận không lạm dụng bất kỳ một thực hành kỷ luật nào

Thực hành quản lý tốt hơn

1. Nông dân không bao giờ được phép sử dụng hoặc hỗ trợ cho (ví dụ bởi các người hợp đồng phụ) các hành vi ngược đãi, ép buộc về mặt thể chất và tinh thần, hoặc mắng chửi người lao động
2. Nông dân không được cho phép phạt hoặc trừ lương là phương pháp xử phạt công nhân
3. Nông dân nên xây dựng các quy trình cho người lao động để họ hiểu tình huống mà xử lý kỷ luật là cần thiết, và họ sử dụng cảnh báo bằng lời nói và bằng văn bản để phòng tránh. Mục tiêu mà người chủ trại nuôi cần thực hiện là luôn luôn được đề cải thiện công nhân trước khi cho họ nghỉ việc
4. Nông dân sẽ không bao giờ sử dụng đe dọa, sỉ nhục hay trừng phạt kỷ luật mà tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất và tinh thần, nhân phẩm của công nhân. Những hành động này bao gồm việc lạm dụng quyền lực, trong đó có lạm dụng bằng lời nói, cô lập, quấy rối tình dục hoặc phân biệt chủng tộc, đe dọa, hoặc đe dọa vũ lực

Tiêu chí 7.8: Giờ làm việc

Tiêu chuẩn áp dụng (7.8.1 – 7.8.4)

Cơ sở lý luận: Người lao động không bị buộc phải sống tại trại nuôi. Lạm dụng thời gian làm việc ngoài giờ là một vấn đề phổ biến rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp và khu vực. Người lao động phải làm thêm quá mức, có thể phải chịu hậu quả trong công việc/cân bằng cuộc sống và có thể có tỷ lệ tai nạn liên quan đến mệt mỏi cao hơn. Để tuân thủ các thực hành tốt hơn, người lao động trong hoạt động nuôi trồng thủy sản được chứng nhận được phép làm việc theo các hướng dẫn đã quy định ngoài giờ làm việc bình thường trong tuần, nhưng phải được hưởng mức lương cao hơn. Yêu cầu đối với thời gian nghỉ ngơi, giờ làm việc và mức bồi thường, như mô tả ở trên, nên làm giảm tác động của việc làm thêm giờ.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Lưu giữ bảng chấm công số giờ làm của công nhân hàng ngày
2. Công nhân chỉ nên làm việc 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần. Tuy nhiên số giờ làm việc này không phải là liên tục.
3. Công nhân phải có quyền rời khỏi trại nuôi sau khi hết giờ làm việc
4. Trong hợp đồng lao động phải ghi rõ số giờ làm việc tối đa và công nhân có quyền rời khỏi trại trong thời gian rảnh rỗi (không phải thời gian làm việc)
5. Tối thiểu, công nhân phải có ít nhất hai tối mỗi tuần được nghỉ ngơi (nếu họ sống tại trại nuôi) và 4 ngày nghỉ mỗi tháng (cho tất cả công nhân)
6. Làm thêm giờ không nên là bắt buộc với tất cả công nhân. Họ nên được tự do quyết định một cách tự nguyện nếu họ mong muốn được làm thêm giờ hay không. Họ không bị phạt vì thái độ và quyết định không làm thêm giờ.
7. Làm thêm giờ nên là ngoại lệ hơn là thường xuyên, điều đó có nghĩa rằng bạn không nên lập kế hoạch cho công nhân làm thêm giờ, nhưng bạn nên đề nghị công nhân của bạn làm thêm giờ khi có các công việc đột xuất.
8. Thời gian làm thêm giờ cho bất kỳ một công nhân không được phép quá 12 giờ mỗi tuần. Vì vậy nếu một công nhân làm việc 40 giờ mỗi tuần theo hợp đồng thì công nhân đó không được phép làm việc quá 52 giờ trong bất kỳ tuần nào
9. Bạn phải thanh toán tiền làm ngoài giờ với mức cao hơn bạn chi trả thường xuyên. Mức chi trả phải cao hơn 20% so với mức thường xuyên. Điều này có nghĩa là nếu bạn trả một công nhân 80 đô la 1 tháng, và có 4 tuần trong 1 tháng thì bạn trả cho công nhân là 20 đô la mỗi tuần. Nếu công nhân của bạn làm việc 40 giờ mỗi tuần theo hợp đồng thì 1 giờ là 0,5 đô la. Nếu bạn yêu cầu công nhân làm thêm giờ thì bạn phải trả công làm thêm giờ là 0,6 đô la (mức lương thường xuyên là 0,5 đô la, cộng với 20% cao hơn so với 0,5 đô la, tương đương với 0,1 đô la/giờ). Như vậy, nếu công nhân làm thêm 3 giờ mỗi tuần thì bạn phải trả cho công nhân 3 đô la tiền làm thêm giờ.

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

10. Lưu giữ hóa đơn đã được ký bởi công nhân của bạn số tiền mà họ đã được trả và lý do (ví dụ lương cho tháng 3 năm 2011 vv).

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

Tiêu chí 7.9: Lương công bằng và đầy đủ

Tiêu chuẩn áp dụng (7.9.1 – 7.9.3)

Cơ sở lý luận: Người lao động được trả lương hợp lý và công bằng mà ở mức tối thiểu, đáp ứng mức lương tối thiểu theo đúng pháp luật các tiêu chuẩn của ngành. Tiền lương phải đáp ứng các nhu cầu cơ bản tối thiểu, vì người lao động được bồi thường không công bằng có thể phải chịu một cuộc sống nghèo nàn vĩnh viễn. Hoạt động nuôi trồng thủy sản được chứng nhận cũng thể hiện cam kết của họ đối với mức lương công bằng và hợp lý bằng cách chia sẻ một cơ chế rõ ràng và minh bạch khi tính lương và chính sách giải quyết xung đột lao động theo dõi các khiếu nại và phản ứng liên quan đến tiền lương. Các chính sách và thực hành của công ty cũng sẽ cấm các khoản khấu trừ vào tiền lương do áp dụng các thực hành kỷ luật, và các khoản thanh toán được thực hiện một cách thuận tiện cho người lao động. Việc các chính sách nêu ra một cách rõ ràng và minh bạch, sẽ trao quyền cho người lao động để thương lượng có hiệu quả về tiền lương hợp lý và công bằng sẽ mà ở mức tối thiểu, đáp ứng nhu cầu cơ bản của đời sống.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Nông dân phải đảm bảo rằng mức lương chi trả cho 1 tuần làm việc tiêu chuẩn, ít nhất phải hợp pháp và đáp ứng được tiêu chuẩn mức lương tối thiểu của công nghiệp; đủ để chi trả các nhu cầu cơ bản của người lao động và có một phần để tích lũy.
2. Nhu cầu cơ bản cần được đánh giá bằng cách tư vấn đại diện cho công nhân lao động và đánh giá chi phí sinh hoạt bằng các phương pháp tính toán. Kết quả tính toán này được tư liệu hóa và là phụ lục của mỗi hợp đồng lao động
3. Bạn phải có cách tính tiền công lao động một cách rõ ràng và rất minh bạch. Phương pháp tính lương này phải dựa trên nguyên tắc thanh toán công bằng theo công việc. Phương pháp tính toán này phải được tư liệu hóa và đính kèm thành phụ lục hợp đồng lao động
4. Tất cả công nhân của bạn phải nhận thức được phương pháp tính lương này
5. Nông dân chủ trại nuôi phải thanh toán tiền lương theo cách tiện lợi cho người lao động. Chẳng hạn, nếu một người lao động cần thanh toán bằng tiền mặt, bạn phải trả cho họ tiền mặt, nếu người lao động thích thanh toán lương theo hình thức chuyển khoản qua ngân hàng bạn nên thanh toán cho họ bằng chuyển khoản

Tiêu chí 7.10:Hợp đồng lao động

Các tiêu chuẩn áp dụng (7.10.1 – 7.10.3)

Cơ sở lý luận: Chìa khóa cho một trao đổi công bằng và minh bạch (làm việc để thu nhập) là một thỏa thuận rõ ràng cho cả hai bên và có thể được xác nhận trong khoảng thời gian hợp đồng. Các giấy tờ mà cả hai bên có thể tiếp cận sẽ rất cần thiết khi muốn xác minh. Điều này cũng sẽ đảm bảo tránh các xung đột gây ra do hiểu lầm và nếu xảy ra xung đột, cần cùng nhau thảo luận rõ ràng. Các phương án quay vòng lao động hợp đồng nhằm không cho lao động làm việc lâu dài được nhận mức thù lao công bằng và các lợi ích khác đều bị cấm..

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Bạn phải chuẩn bị bản in hợp đồng lao động cho mỗi công nhân
2. Bạn phải trao bản copy hợp đồng lao động cho mỗi công nhân
3. Bạn cần giải thích rõ cho công nhân của bạn ý nghĩa của mỗi điều khoản trong hợp đồng và chắc chắn rằng họ đã hiểu hợp đồng họ ký với bạn và trại nuôi của bạn
4. Thời gian thử việc tối đa phải được đề cập trong hợp đồng đối với công nhân lao động, không phải là người làm công việc quản lý và công nhân có bằng đại học, là 1 tháng và bạn phải tôn trọng quy định đó
5. Thời gian thử việc tối đa được nêu trong hợp đồng đối với người quản lý trại nuôi, công nhân có bằng đại học phải là 2 tháng và bạn phải tôn trọng quy định đó

Tiêu chí 7.11:Các hệ thống quản lý

Các tiêu chuẩn áp dụng (7.11.1 – 7.11.5)

Cơ sở lý luận: Người sử dụng lao động sẽ đưa vào một hệ thống cho phép người lao động có thể tự do trao đổi về các vấn đề quan tâm. Hệ thống như vậy cần bảo vệ danh tính của những người “thối còi”. Người sử dụng lao động cũng sẽ cố gắng lưu giữ hồ sơ, theo dõi và giải quyết các vấn đề trong khả năng tối đa của họ. Con số 90% là ngẫu nhiên và có nghĩa là hầu như tất cả các khiếu nại được giải quyết nhanh chóng. Có một tiêu chuẩn dựa trên các số liệu cũng cho phép tỷ lệ khiếu nại được giải quyết ở mức độ cao hơn trong quá trình sửa đổi các tiêu chuẩn này. Hiện nay, có thể nhận thấy rằng hầu hết các nhà cung cấp và cung cấp dịch vụ ký hợp đồng với người nuôi không thể cung cấp các điều kiện an toàn và sức khỏe phù hợp cho người lao động và điều này nằm ngoài sự kiểm soát của người nuôi. Tuy nhiên, khoảng thời gian một năm, mà PAD xem xét là một khung thời gian thực tế cho người nuôi xác định nhà cung cấp các điều kiện này.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Bạn phải chắc chắn rằng tất cả người lao động có phương pháp để liên hệ bí mật với bạn về các bản đề liên quan đến quyền lao động, điều kiện làm việc. Tối thiểu là bạn phải có thùng thư góp ý đặt ở nơi nào đó quanh trại nuôi của bạn, cho phép người lao động có thể gửi những kiến nghị hay góp ý nếu có
2. Bạn phải có một sổ ghi chép tất cả những vấn đề mà người lao động đưa ra (bao gồm cả các mẫu góp ý), ngày và những phúc đáp đã được thực hiện
3. Bạn phải giải quyết ít nhất là 90% những thắc mắc trong vòng 1 tháng kể từ khi nhận được. Chỉ những vấn đề mà cả bạn và người lao động đồng ý là đã được giải quyết thì mới được xem là giải quyết xong
4. Với các kiến nghị còn lại, bạn phải viết một bản kế hoạch mô tả cách bạn giải quyết
5. Thường xuyên, những công việc mà bạn giao (chẳng hạn vét bùn, hoặc thu hoạch) cần thuê thêm lao động. Các điều kiện cho những người lao động thuê thêm này xem như không phù hợp với tiêu chí của bộ tiêu chuẩn này. Mặc dù có đôi khi trại nuôi của bạn có thể được chứng nhận khi sử dụng các lao động thuê thêm mà không đáp ứng các điều kiện làm việc “phù hợp”, sau một năm được chứng nhận, tất cả các lao động (ngay cả lao động không ký với bạn nhưng làm việc theo mùa vụ) cần được hưởng lợi từ các quyền đề cập trong bộ tiêu chuẩn này. Nếu bạn không thực hiện việc này, sẽ thu hồi chứng nhận trại nuôi của bạn

Tiêu chí 7.12: Lưu trữ hồ sơ

Các tiêu chuẩn áp dụng (7.12.1)

Cơ sở lý luận: Tuân thủ các tiêu chuẩn về làm thêm giờ cần có bằng chứng về những giờ làm việc của người lao động được lưu giữ chính xác.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Bạn phải lưu trữ các hồ sơ về thời gian làm việc cho mỗi người lao động trong trại nuôi của bạn
2. Bạn phải có danh sách cập nhật người lao động và bảng chấm công cho thời gian làm việc trước đầu và hiện tại (ít nhất là 6 tháng trước khi được chứng nhận) của công nhân

Tiêu chí 7.13: Đánh giá tác động xã hội nhiều bên tham gia đối với cộng đồng địa phương

Các tiêu chuẩn áp dụng (7.13.1 – 7.13.2)

Cơ sở lý luận: Những người sống trong các cộng đồng xung quanh trại nuôi cá Tra/basa chính là các bên tham gia quan trọng. Giao tiếp và tư vấn thường xuyên có thể xây dựng mối quan hệ tin cậy với các cộng đồng địa phương và ngăn chặn hoặc giảm thiểu xung đột. Các trại nuôi nên góp phần vào xoá đói giảm nghèo và an ninh lương thực để mang lại những lợi ích thực cho cộng đồng địa phương.

Trọng tâm của các tiêu chí đánh giá tác động xã hội có sự tham gia của cộng đồng (p-SIA) là rủi ro và tác động giữa các cộng đồng xung quanh và trại nuôi. Thông tin về hoạt động kỹ thuật trong trại nuôi không có rủi ro và tác động bên ngoài trại không cần phải được ghi lại cũng không được tiết lộ trong quá trình tham gia.

Phạm vi mà các bước trong p-SIA được thực hiện bởi các chuyên gia hoặc tư vấn bên ngoài chuyên nghiệp, hoặc được bản địa hóa (gần như đầy đủ), có hoặc không sử dụng các công cụ kỹ thuật cao, có thể thích hợp với quy mô của trại nuôi. Diện tích-kích thước (ao và đất đai giành riêng cho trại nuôi), công nghệ nuôi (từ chuyên sâu đến mở rộng), và chi tiêu vốn là những chỉ thị tốt để đánh giá mức độ phù hợp của phương pháp và công cụ được sử dụng trong các p-SIA.

Người nuôi nhỏ có thể thực hiện các bước này trong quy trình tổ chức tại địa phương và sử dụng tài liệu viết tay được đăng trên bảng tin công cộng của làng. Đất công nghiệp hoặc đầu tư quy mô lớn sẽ cần phải thuê các chuyên gia chuyên nghiệp để hỗ trợ quá trình này và cần tuân thủ các mô tả phương pháp của UNDP hoặc Ngân hàng Thế giới. Điểm bổ sung duy nhất để mô tả chung chung hiện tại của phương pháp p-SIA là yêu cầu về một kế hoạch đóng cửa và cải tạo.

Đối với trại nuôi mới, trọng tâm của tiêu chuẩn này nằm mục đích đánh giá rủi ro và tác động trong tương lai. Việc đánh giá tác động sẽ được thực hiện trước khi bắt đầu xây dựng trại nuôi. Đối với trại nuôi hiện có, tập trung vào việc đánh giá các rủi ro và tác động thực tế. Trong cả hai trường hợp, kết quả được định hướng theo hướng xác định làm thế nào để giải quyết có trách nhiệm với những rủi ro và tác động trong quá trình đàm phán với những người bị ảnh hưởng.

Trong các cách tiếp cận chứng nhận cụ thể (hợp tác xã hoặc một khu vực gồm các trại nuôi cá nhân có các sản phẩm không thể truy xuất nguồn gốc khi bán, cả nhóm sẽ là một đơn vị lợi ích).

Tiêu chuẩn bền vững xã hội đáng tin cậy phải có khả năng đáp ứng mối quan tâm thực sự của con trong các cộng đồng nằm ở gần trại nuôi, cũng như tại trại nuôi. Đặc biệt, cần tham khảo ý kiến trong cộng đồng địa phương để xác định đúng các xung đột tiềm năng, tránh, giảm thiểu và/hoặc giảm nhẹ thông qua thương lượng mở và minh bạch trên cơ sở đánh giá rủi ro và tác động hiện tại đối với cộng đồng xung quanh. Cộng đồng sẽ có cơ hội là một phần của quá trình đánh giá. Những tác động của hoạt động nuôi trồng thủy sản lên dân tộc thiểu số và những người dễ bị phân biệt đối xử sẽ được tính, và cơ hội cho những nhóm người nên được xác định, đánh giá và giải quyết. Có thể không phải lúc nào cũng tránh được tác động tiêu cực. Tuy nhiên, quá trình để giải quyết chúng phải cởi mở, công bằng và minh bạch. Do đó, các tiêu chuẩn cộng đồng tập trung vào đối thoại và đàm phán với các cộng đồng xung quanh.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Bạn nên mời hàng xóm và những cộng đồng địa phương tham gia vào việc đánh giá tác động xã hội có sự tham gia của cộng đồng. p-SIA không cần thiết quá phức tạp xong cần phải đánh giá những khía cạnh sau đây

a. Quá trình đánh giá và trao đổi thông tin với các bên liên quan là minh bạch (ví dụ, những người bị ảnh hưởng, nhóm và cộng đồng). Bạn phải chuẩn bị danh sách người có khả năng bị ảnh hưởng bởi trại nuôi và cách để bạn liên hệ với họ để thực hiện đánh giá p-SIA

b. Số lượng các bước đánh giá p-SIA nhằm mục đích cho phép mọi người có thể đánh giá phương pháp đánh giá p-SIA là có sự tham gia của cộng đồng và minh bạch. Các bước này bao gồm

- Dự định đánh giá p-SIA phải được liên hệ trước và có đủ thời gian để cho phép các bên quan tâm tham gia và/hoặc thu thập thông tin
- Danh sách các bên liên quan, trong các mô tả về tác động, và trong báo cáo đánh giá tác động p-SIA cuối cùng, họp với các bên liên quan trong danh sách (hoặc với đại diện của các bên liên quan) được thực hiện.
- Các cuộc họp cần được tóm tắt và những tài liệu này được đính kèm trong báo cáo tổng kết; danh sách tên và địa chỉ liên hệ của những người tham gia phải được đính kèm
- Bằng chứng được cung cấp rằng bản dự thảo và báo cáo p-SIA cuối cùng được đệ trình lên đại diện chính quyền địa phương, và nếu được các bên liên quan yêu cầu thì gửi lên các tổ chức dân sự được lựa chọn bởi các bên liên quan

c. Một báo cáo rủi ro, và tác động thực của trại nuôi của bạn hoặc các trại nuôi qui hoạch (nếu bạn dự định xây dựng một trại nuôi) và ít nhất là hai giải pháp. Ví dụ:

- Điều gì sẽ xảy ra nếu trại nuôi tiếp tục hoạt động (hay được xây dựng). Đó là kế hoạch hiện tại
- Điều gì có thể xảy ra nếu trại nuôi bị dừng hoạt động (hay không được xây dựng). Đây là một phương án thay thế cần phải được đánh giá
- Điều gì sẽ xảy ra nếu trại nuôi có ao xử lý nước? Đây là giải pháp dự kiến sẽ xảy ra
- Điều gì sẽ xảy ra nếu trại nuôi chỉ bằng 2/3 diện tích hiện nay? Đây là giải pháp dự kiến sẽ xảy ra mà bạn nên cân nhắc

Trong phần này của đánh giá, các khái niệm bao gồm:

- Các khía cạnh về kinh tế (tác động lên cơ hội việc làm, tác động đến sinh kế của cộng đồng)
- Đánh giá nguồn lợi tự nhiên và sử dụng (đất và nước, tác động lên chất lượng và sự sẵn có của các nguồn lợi tự nhiên bao gồm nước)
- Các khía cạnh liên quan đến con người (an ninh lương thực, sức khỏe và an toàn, giáo dục, kiên thức)
- Cơ sở hạ tầng (đường xá, điện, điện thoại, nhà ở, hệ thống thu gom chất thải)
- Các khía cạnh về văn hóa (địa phương/truyền thống/tín ngưỡng và niềm tin, xã hội loại trừ/bao gồm, bình đẳng giới, thay đổi về cấu trúc tuổi của cộng đồng, các tổ chức không chính thức ở địa phương)
- Các khía cạnh về chính quyền (ảnh hưởng của nuôi trồng thủy sản trên các tiêu chuẩn, điều cấm kỵ, quy định, pháp luật, quản lý xung đột, và liệu những thay đổi này đến tính minh bạch, trách nhiệm và tham gia vào việc ra quyết định)

d. Nghiên cứu và báo cáo các tác động có thể xảy ra có thể sẽ là việc quan trọng nhất. Trong khi thực hiện, điều quan trọng là sắp xếp các cuộc họp với các bên liên quan để cho họ ưu tiên cũng như để cho họ thể hiện cách họ đánh giá / xem xét / cảm nhận, xác định cả rủi ro tích cực và tiêu cực và tác động (theo cách làm việc cũng mở đường cho việc xử lý thỏa hiệp)

e. Thực hiện điều tra sâu hơn vào những tác động mà được xem xét ưu tiên bởi cộng đồng tập trung vào câu hỏi "Điều gì thay đổi sẽ dẫn đến nếu họ thực sự xảy ra?" Bao gồm:

- Tác động vật lý lên các cấu trúc tự nhiên và nhân tạo và các quá trình
- Có khả năng thích nghi và những tác động xã hội và kinh tế của việc thực hiện thích nghi như vậy
- Làm thế nào các hiệu ứng này tác động gián tiếp có thể so sánh với không có sự can thiệp
- Làm thế nào ảnh hưởng có thể được tích lũy

f. Đề xuất để tối đa hóa tính tích cực và hạn chế tối đa tiêu cực, với cân nhắc đến các lựa chọn bồi thường cho những vùng đất và con người bị ảnh hưởng, bao gồm các khuyến nghị về làm thế nào để tránh những vấn đề này với các trại nuôi trong giai đoạn dự định phát triển

g. Đề xuất một kế hoạch để giảm thiểu các tác động được xác định bởi cộng đồng. Bạn nên bao gồm cả một kế hoạch đóng cửa hoạt động và thu hồi giải thích cách sửa chữa, phục hồi sẽ diễn ra nếu các trại nuôi đóng cửa hoặc bị phá sản.

h. Xây dựng và phê duyệt, với tất cả các bên liên quan, một kế hoạch giám sát và các chỉ số về rủi ro tích cực và tiêu cực và các tác động. Bước này nên được thực hiện bằng cách sử dụng

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

- Thảo luận nhóm tập trung (FGD), đó là một cách nhanh chóng để thu thập dữ liệu từ các bên liên quan khác nhau trong một nhóm. Ví dụ này sẽ bao gồm các cuộc họp với các trang trại nông nghiệp trong khu vực của bạn, các cuộc họp với ngư dân, vv Quá trình này là rất hữu ích cho việc suy nghĩ xung về các mối quan tâm, kiểm tra chéo thông tin để xác nhận, hoặc để có được một danh sách với một loạt các phản ứng giả định hoặc dự định hành động
- Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của cộng đồng (PRA): có nghĩa là việc áp dụng một cách tiếp cận và phương pháp để điều tra nhanh với sự nhấn mạnh về kiến thức địa phương và nhận thức. Nó bao gồm các hoạt động nhóm thông qua đó các bên liên quan được khuyến khích chia sẻ thông tin và thực hiện đánh giá và xây dựng giải pháp riêng của họ.

i. Một bản tóm tắt kèm các khuyến nghị và kết luận là được xây dựng cho tất cả các bên tham gia vào quá trình này và thông báo tới công cộng địa phương, làm cho tất cả các thành viên của cộng đồng địa phương có thể truy cập nguồn thông tin này.

2. Gửi báo cáo đánh giá tác động xã hội p-SIA đến đại diện các hộ (ít nhất là 10) trong cộng đồng, chính quyền địa phương và ít nhất là 1 tổ chức xã hội. Khi bạn gửi báo cáo, đảm bảo rằng bạn nhận được văn bản xác nhận họ đã nhận được báo cáo p-SIA.

Tiêu chí 7.14: Khiếu nại của cộng đồng địa phương

Tiêu chuẩn áp dụng (7.14.1 – 7.14.3)

Cơ sở lý luận: Các cuộc đàm phán công bằng và cởi mở sẽ giúp giải quyết xung đột. Do đó, các trại nuôi phải có một chính sách giải quyết xung đột trong đó mô tả cách thức khiếu nại cũng như cách trại nuôi dự định giải quyết xung đột. Nội dung của chính sách này phải được công bố (cho các cộng đồng ở xung quanh) và các trại nuôi phải cung cấp xác minh về tiến độ giải quyết các vấn đề quan tâm.

Tiêu chuẩn này thừa nhận các trường hợp mà không phải tất cả các cuộc xung đột có thể được giải quyết dễ dàng và nhanh chóng. Nó cũng đề cập đến các xung đột có thể không nhất thiết do xây dựng trại nuôi và/hoặc khi trại đi vào hoạt động. Nhưng trại nuôi sẽ tập trung (có nghĩa là chủ động tìm kiếm để xác định và giải quyết) có quan tâm đến các khiếu nại, vào các nỗ lực tránh làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng xung quanh, và cung cấp bằng chứng theo tiêu chuẩn.

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Bạn nên phát triển một chính sách để giải quyết những khiếu nại với các cộng đồng địa phương. Các chính sách sẽ thông báo cách thức mà các xung đột và khiếu nại được ghi nhận và theo dõi minh bạch và giải thích làm thế nào để giải quyết tất cả các khiếu nại nhận được
2. Chính sách này phải được áp dụng và có thể hiệu chỉnh, điều này có nghĩa là mọi người có thể kiểm tra bạn đã áp dụng hay chưa
3. Bạn cần phải có thùng thư khiếu nại tại những vị trí khác nhau quanh trại nuôi để cho các cộng đồng địa phương gửi các ý kiến khiếu nại nếu có
4. Bạn phải có sổ theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại
5. Bạn phải có xác nhận là đã nhận được các ý kiến khiếu nại. Giấy xác nhận này phải được viết bằng ngôn ngữ dễ hiểu để người dân địa phương có thể hiểu được
6. Bạn phải nỗ lực giải quyết tất cả các khiếu nại bạn gặp phải với cộng đồng địa phương. Ít nhất bạn phải giải quyết:
 - 50% các khiếu nại trong vòng 6 tháng
 - 75% các khiếu nại trong vòng 1 năm
 - Tất cả các khiếu nại trong vòng 2 năm
7. Cách thức bạn tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại phải được tư liệu hóa và khi họp dân thì những khiếu nại đó phải được tóm tắt. Tóm tắt này phải bao gồm cả kế hoạch (danh sách những vấn đề quan ngại), giải pháp và thỏa hiệp đạt được, ai sẽ làm và khi nào làm và danh sách các đại biểu tham dự. Chính quyền địa phương và ít nhất một tổ chức xã hội dân sự, tham gia vào quá trình giải quyết khiếu nại và các tài liệu có liên quan.

This is an unofficial translation in Vietnamese. If it deviates from the original in English, the English version is leading.

8. Các khiếu nại được xem như là đã được giải quyết nếu cả bạn và người khiếu nại đồng ý đưa ra khỏi danh sách những vấn đề khiếu nại và kế hoạch giải quyết. Khi khiếu nại được giải quyết, lấy giấy xác nhận của người khiếu nại là vấn đề đã thực sự được giải quyết xong
9. Lấy chữ ký từ các cộng đồng địa phương để xác nhận rằng kế hoạch bạn đang áp dụng để giải quyết cuộc xung đột đã được áp dụng
10. Gửi một bản sao của chính sách và các văn bản liên quan đến một đại diện của chính quyền địa phương và ít nhất một tổ chức xã hội dân sự. Lưu ý xin một văn bản khẳng định họ đã nhận được các chính sách và văn bản liên quan
11. Lấy một văn bản xác nhận của chính quyền địa phương rằng họ đã nhận được giấy xác nhận rằng bạn đã nhận được những khiếu nại từ họ

Tiêu chí 7.15: Ưu tiên sử dụng lao động địa phương

Tiêu chuẩn áp dụng (7.15.1 – 7.15.2)

Cơ sở lý luận: Lao động thủ công không có tay nghề rất phổ biến tại nhiều trại nuôi cá tra và, do đó, nuôi cá tra có thể mang lại lợi ích cho nền kinh tế nông thôn như một nguồn sử dụng lao động chính. Tuy nhiên, người nuôi cá tra thường tuyển dụng lao động nhập cư và yêu cầu họ ở lại, hoặc ở gần trại nuôi. Khi làm như vậy, giá trị tiềm năng của nuôi cá tra đóng góp cho nền kinh tế địa phương nông thôn bị giảm đi. Các tiêu chí được xây dựng để đảm bảo những người trong lực lượng lao động địa phương được coi là hợp lệ cho việc làm tại trại nuôi, và lao động di cư chỉ được thuê khi lực lượng lao động địa phương không đáp ứng yêu cầu

Quy phạm thực hành quản lý tốt hơn

1. Luôn nỗ lực sử dụng lao động từ các cộng đồng địa phương hơn là sử dụng lao động đến từ các nơi khác
2. Lưu trữ tên, địa chỉ và số liên lạc của tất cả những người bạn đã tham khảo để thông báo các vị trí cần tuyển dụng tới cộng đồng địa phương (ví dụ những người sống ở trong huyện hoặc các đơn vị hành chính tương đương)
3. Bạn nên thông báo tuyển dụng trên các bảng tin quanh trại nuôi của bạn. Những thông tin tuyển dụng này có ghi ngày tháng và sau đó bạn tuyển ai đó cho vị trí đó, bạn phải lưu các thông tin đó
4. Nếu bạn nhận ai đó đến từ nơi khác bạn phải viết và giải thích cho bất kỳ ai đó kiểm tra tại sao bạn không nhận các người từ cộng đồng địa phương.